

ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

PHẦN 1: KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả:

Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ như: Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Nguyễn Duy, Lâm Thị Mỹ Dạ, Hoàng Nhuận Cầm, Lê Anh Xuân.... Đây là lớp nhà thơ trưởng thành từ ghế nhà trường, không chỉ có trình độ văn hóa, niềm say mê lý tưởng mà còn có mặt trực tiếp trong cuộc kháng chiến dân tộc. Họ ý thức cao về vai trò và trách nhiệm của tuổi trẻ về đất nước, những trang thơ của họ nóng bỏng, nhiệt tình yêu nước và hiện thực kháng chiến của dân tộc. Nguyễn Khoa Điềm xuất thân từ một gia đình trí thức cách mạng ở Huế, bản thân ông tham gia trực tiếp vào phong trào đấu tranh sinh viên nên thơ Nguyễn Khoa Điềm rất giàu chất suy tư, cảm xúc dồn nén mang tâm tư của người trí thức....

II. Đề tài Tổ quốc:

Tổ quốc là một đề tài phong phú của thơ ca Việt Nam. Trước NKĐ đã có nhiều bài thơ hay, nhiều tác giả thành công về đề tài này. Đất nước anh hùng trong kháng chiến chống Pháp, mang hồn thu Hà Nội của Nguyễn Đình Thi. Đất nước cổ kính, dân gian, mang hồn quê Kinh Bắc của Hoàng Cầm. Đất nước hóa thân cho một dòng sông xanh, đầy ắp kỉ niệm trong thơ Tế Hanh. Đất nước hài hòa trong dáng hình quê hương và tình yêu đôi lứa trong thơ Giang Nam. Nhưng, NKĐ đã tìm được một cách nói riêng để chương thơ mới của ông đã mang lại cho bạn đọc những rung cảm thẩm mỹ mới về đất nước: Đất nước của nhân dân.

III. Vị trí đoạn trích:

Đất nước là phần đầu chương V của trường ca Mặt đường khát vọng, viết năm 1971 tại chiến khu Trị Thiên giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang hết sức khốc liệt mà bản thân nhà thơ trực tiếp có mặt

Ý nghĩa đoạn trích

Đoạn trích thu tóm ý nghĩa của toàn bộ chương V. Chương thơ là sự cảm nhận về Đất nước một cách cụ thể, sâu sắc mà cốt lõi trong tư tưởng là: Đất nước của Nhân dân. Từ đó, nhà thơ bộc lộ lòng yêu quý, niềm tự hào, sự gắn bó và trách nhiệm với đất nước thân yêu. Tư tưởng chủ đạo này đc NKĐ triển khai ở nhiều bình diện: Địa lí, lịch sử, văn hóa và thể hiện bằng hình thức thơ trữ tình chính luận, giọng thơ tâm tình, lời thơ đậm đà sắc thái dân gian, nhưng đặc biệt, gợi cảm, để lại ấn tượng sâu sắc cho bạn đọc.

IV. Lịch sử đất nước

1. Đất nước có từ bao giờ?

Mở đầu khúc ca, nhà thơ đưa ng đọc trở về với cội nguồn của đất nước: Đất nước có từ bao giờ?

“Khi ta lớn lên...đất nước có từ ngày đó”

“Ta” vừa là nhân vật trữ tình, vừa là mỗi chúng ta – những ng dân đất Việt. Đúng là, khi mỗi chúng ta lớn lên, đất nước đã có rồi. Dù chưa đủ trí tuệ để hiểu đất nước với những khái niệm trừu tượng như cương vực, lãnh thổ, chủ quyền, nhưng mỗi chúng ta cũng đã cảm nhận đc đất nước là một cái gì đó rất gần gũi, qua những câu chuyện truyền thuyết, cổ tích mẹ thường kể từ thuở nôm. Lời thơ “ngày xưa ngày xưa” mang điệu hò của những câu chuyện huyền thoại, đưa ta về một thuở rất xa, khi đất nước phôi thai. Những từ “bắt đầu, lớn lên” tuy không xác định thời gian cụ thể nhưng lại khẳng định quá trình hình thành lâu đời của đất nước.

Từ phong tục tập quán:

Đất nước đc hình thành từ những truyền thống cao đẹp như truyền thống yêu nước, lao động, văn hóa. Trước hết là truyền thống văn hóa phong tục lâu đời của nhân dân. Từ miếng trầu dung dị của bà, mái tóc bới hiền hòa của mẹ, cách gọi tên “cái kèo, cái cột” dân dã đến tình yêu gắn bó thủy chung qua gừng cay muối mặn của cha mẹ. Tất cả những điều tưởng chừng như bình thường ấy đã trở thành nếp sống, thành phẩm chất tốt đẹp, thành thuần phong mỹ tục đậm đà bản sắc Việt Nam.

Từ truyền thống yêu nước:

Câu thơ “Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc” gợi nhớ truyền thuyết Thánh Gióng nhổ tre làng đánh giặc Ân thuở xa xưa. Truyền thống yêu nước, bền bỉ kiên cường giữ nước luôn đc khơi dậy qua những lời kể đậm đà của mẹ và trở thành hồn thiêng dân tộc.

Từ truyền thống lao động:

Ông bà, cha mẹ chúng ta đã phải trải qua bao gian nan một nắng hai sương, đã đổ bao mồ hôi với bao công việc nhà nông nhọc nhằn “xây giã giần sàng” mới làm ra hạt gạo dẻo thơm. Hạt gạo là vật chất, nhưng cũng là sự sống, là cội nguồn văn hóa của dân tộc. Truyền thống lao động cần cù từ bao đời của nhân dân cũng là một phần của hồn nước.

Tiểu kết:

Chín dòng thơ đầu là cảm nhận của nhà thơ về sự hình thành và phát triển lâu đời của đất nước. Đất nước đc cảm nhận cụ thể trong những cái hằng ngày như “miếng trầu, hạt gạo”, trong những gương mặt dung dị, đời thường của nhân dân, trong mối quan hệ ruột thịt thân thương như “ông – bà”, “cha – mẹ”, ngay trong mái nhà của mỗi chúng ta cũng hiện diện dáng hình đất nước. Ẩn trong đó là tình yêu nước thiết tha, niềm tự hào về đất nước thân thương, gần gũi. Hình ảnh thơ hàm súc, giàu chất liệu văn hóa, văn học dân gian nên có sức lắng đọng sâu sắc. Những chất liệu dân gian ấy đã tạo nên một thế giới nghệ thuật vừa gần gũi, quen thuộc, vừa sâu xa, kì diệu, đủ sự gợi lên một hồn thiêng sông núi. Điều đó ko đơn thuần chỉ là

thủ pháp nghệ thuật, cũng ko phải là một mô-típ sáng tạo văn học dân gian. Có thể nói, tư tưởng “đất nước của nhân dân” – tư tưởng chủ đạo của trang thơ đã thấm nhuần từ quan điểm đến cảm xúc, từ hình tượng đến chi tiết nghệ thuật của tác phẩm.

2. Đất nước là gì?

Đất nước là những gì gần gũi, thân thương:

Mượn hình thức trò chuyện, tâm tình với một ng con gái yêu thương, nhà thơ đã định nghĩa đất nước theo cách riêng của mình, theo cách đặc biệt của thơ. Và ở đoạn thơ tiếp theo, vận dụng tính đơn lập của tiếng Việt, NKĐ đã tách từ “Đất nước” thành hai thành tố “đất” và “nước” để có thể đi sâu vào khái niệm, biến khái niệm “đất nước” trừu tượng thành cụ thể, gợi cảm:

“Đất là nơi anh đến trường...nỗi nhớ thắm”

Ý thơ rất mới mẻ, cụ thể. Đất nước trở thành những gần gũi, thân thương, gắn bó với mỗi ng. Thân thương như mái trường ta học, như dòng sông em tắm, như góc phố, đình làng, ao sen, lũy tre, cây đa, bến nước – nơi lúa đôi hò hẹn. Một không gian nhỏ, chỉ hai ng biết, hai ng hay rất riêng tư nhưng cũng đậm đà hồn quê hương xứ sở. Đất nước còn thân thương như câu ca dao tình yêu quen thuộc cất lên từ mỗi xóm làng:

“Khăn thương nhớ ai khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai khăn vắt lên vai”

Đất nước mênh mông không phải tự nhiên mà có:

Vẫn mạch cảm xúc thiết tha, nhà thơ say sưa lí giải:

“Đất là nơi con chim phượng hoàng...đất nước là nơi dân mình đoàn tụ”

Lấy ý từ những câu dân ca Huế mượt mà, câu thơ đưa ng đọc về với không gian thân thương. Những từ “núi bạc, biển khơi” mang âm hưởng thành ngữ dân gian, gợi ra một đất nước mênh mông, giàu đẹp. Sự mênh mông, giàu đẹp đó ko tự nhiên mà có đc, nó gắn với thời gian đằng đẵng, dài lâu, liên tục, bền bỉ mà nhân dân ta

đã đổ bao mồ hôi, nước mắt và cả máu nữa, để xây dựng bờ cõi đất nước thành dải đất chữ S thân thương, cho “dân mình đoàn tụ” trong yêu thương tự hào bởi:

Đất nước là nơi chim về, rồng ở:

“Đất là nơi chim về...bọc trứng”

Những hình tượng quen thuộc trong thần thoại, truyền thuyết như “chim, rồng, Lạc Long Quân, Âu Cơ, bọc trăm trứng” cùng tụ về trong trường liên tưởng của nhà thơ. Sự hội tụ ấy làm bật lên ý thơ có tầm khái quát cao: dân tộc ta là “con rồng cháu tiên, trai tài gái sắc”, đất nước ta là “đất lành chim về, đất thiêng rồng ở”, dân tộc Việt là anh em một nhà, cùng đc sinh ra từ bọc trăm trứng của cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ. Một đất nước có cội nguồn văn hóa và truyền thống lâu đời rất đỗi thân thương và tự hào như thế, chính là “Đất nước của nhân dân”

3. Trách nhiệm với đất nước:

Đất nước qua cách cảm nhận của NKĐ không khô khan, trừu tượng mà tươi rói cảm xúc. Đất nước gắn liền với đời sống, số phận của từng cá nhân ở mọi phương diện: lịch sử, địa lí, văn hóa. Đất nước còn là sự kết tinh sâu sắc những giá trị tinh thần từ quá khứ “những ai đã khuất”, đến hiện tại “những ai bây giờ” và tương lai “yêu nhau và sinh con đẻ cái”. Đặc biệt, mỗi thế hệ, mỗi cá nhân, đều gắn bó với đất nước, nhất là trách nhiệm của thế hệ hôm nay vô cùng nặng nề nhưng vinh quang: Chúng ta vừa phải gánh vác những công việc nhọc nhằn mà ông cha giao lại, vừa phải “dặn dò con cháu chuyện mai sau” một cách ân cần, chu đáo, để các thế hệ sau sẽ tiếp tục đưa đất nước đi xa, đến một chân trời hòa bình, hạnh phúc, ấm no, giàu mạnh. Đó là mơ mộng, là khát vọng của thời đại nhà thơ nhưng là hiện thực tất yếu của tương lai. Ước mơ ấy, ngày nay đã thành sự thật. Lời thơ trong sáng, ấp ủ niềm tin giữa những ngày đánh Mĩ của nhà thơ thật cao đẹp và đáng quý.

Vì sự mưu sinh, mỗi ng có thể làm ăn và lập nghiệp ở bất cứ nơi đâu, nhưng trong thâm sâu tâm hồn, mỗi chúng ta đều mang trong ng dòng máu Lạc Hồng. Những

giờ khắc thiêng liêng nhất, niềm tự hào đối với truyền thống dân tộc lại trở dậy mãnh liệt:

“Hàng năm ăn đâu làm đâu...giỗ Tổ”

Hai chữ “cúi đầu” đầy yêu thương thành kính với đất nước. Ở đây, nhà thơ đã phát hiện ra một chân lí giản dị mà sâu sắc

“Trong anh và em hôm nay...một phần đất nước”

Giọng thơ tâm tình, với lối xưng hô anh – em tha thiết, nhà thơ như nhắn nhủ: đất nước ko chỉ tồn tại khách thể, mà đã hóa thân trong máu xương mỗi ng, trở thành một phần tâm hồn trí tuệ của “anh và em”. Sự gắn bó máu thịt giữa số phận cá nhân với vận mệnh cộng đồng là tư tưởng chung của thời đại. “Khi hai đứa cầm tay” tình yêu lứa đôi riêng tư đã tự mang trong nó vẻ đẹp hài hòa nồng thắm của tâm hồn dân tộc. “Khi chúng ta cầm tay mọi ng”, tình yêu của hai đứa gắn bó với cái chung của tình yêu đất nước. Mỗi chúng ta đã nối vòng tay lớn vào cộng đồng, tạo nên một khối đại đoàn kết dân tộc, làm cho đất nước “vẹn tròn to lớn”, trường tồn và phát triển.

Trách nhiệm với đất nước, cũng chính là trách nhiệm với chính bản thân mình bởi

“Đất nước là máu xương của mình”

Vì thế, mỗi chúng ta đều tự nhiên gắn bó với đất nước bằng tình yêu thiết tha, san sẻ với cộng đồng bằng ý thức trách nhiệm và khi cần có thể “hóa thân” bằng hành động hi sinh cho đất nước. Động từ “hóa thân” đc nhà thơ sử dụng ko chỉ phù hợp với màu sắc dân gian của chương thơ mà còn diễn tả sâu sắc sự tự nguyện dâng hiến trọn vẹn cho đất nước để bắt tử hóa cùng non sông của mỗi ng dân. Điệp ngữ “phải biết” vừa như một mệnh lệnh, vừa là tiếng nói thúc giục của con tim, tạo thành chất trữ tình chính luận sâu sắc

Tiểu kết:

Đc bao bọc trong ko khí của văn học dân gian, hình tượng đất nước trên trang thơ của NKĐ thơ mộng, trữ tình như từ xa xưa vọng về, bình dị mà thân thương gắn bó

thiết tha với mỗi ng dân. Cảm nhận về đất nước tản mạn mà thống nhất, sâu sắc. Hai chữ “đất nước” đc viết hoa và điểm lại nhiều lần như một con mắt thơ đầy kính yêu, tự hào. Nhà thơ định nghĩa về đất nước bằng thơ, lời thơ lấp lánh màu sắc của huyền thoại dân gian, vừa lung linh vẻ đẹp trí tuệ, vừa thiết tha cảm xúc, tạo nhiều âm vang trong lòng ng đọc

So sánh:

Nếu “Đất nước” của Nguyễn Đình Thi mang đậm sắc thái hiện đại, gắn liền với cuộc kháng chiến chống Pháp đau thương nhưng anh dũng và kiên cường thì “Đất nước” của NKĐ lại đậm đà phong vị dân gian, gắn với cội nguồn văn hóa của dân tộc. Cùng tỏa sáng tình yêu và niềm tự hào đối với đất nước, nhưng mỗi bài thơ có một vẻ đẹp riêng, khiến cho cảm hứng về quê hương trở nên đa dạng, hấp dẫn.

V. Đất nước của nhân dân – tư tưởng cốt lõi:

Nếu như phần đầu khúc ca, tác giả nói về lịch sử cùng với định nghĩa đất nước bằng thơ theo cách riêng của mình. Thì bốn mươi bảy dòng thơ tiếp theo nhà thơ đi sâu vào tư tưởng đất nước của nhân dân bằng cách nhìn toàn diện không gian địa lí và thời gian lịch sử.

1. Phương diện địa lí:

“Những ng vợ nhớ chồng... Bà Đen, Bà Điểm”

Tư tưởng đất nước của nhân dân dẫn nhà thơ đến một cách nhìn mới mẻ, có chiều sâu về địa lí. Bằng thủ pháp liệt kê độc đáo, ng đọc được tiếp nhận một phát hiện mới rất thú vị: những danh lam thắng cảnh trên đất nước ta như Vịnh Hạ Long, những di tích văn hóa như Hòn Vọng Phu, Núi Bút, Non Nghiên, những di tích lịch sử như Làng Gióng, Đất Tổ trải dài trên khắp đất nước ta. Tất cả không chỉ là địa hình núi sông thuần túy mà tạo hóa đã ban tặng, mà còn đc cảm nhận như một sự đóng góp của nhân dân, sự hóa thân của những cảnh ngộ, số phận của nhân dân

và thấm đẫm vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân: thủy chung, yêu nước, hiếu học... Nếu ko có những ng vợ VN chung thủy đợi chồng, mòn mỏi qua bao cuộc chiến tranh và li tán thì ko thể có cảm nhận Núi Vọng Phu, Hòn Trống Mái. Phải chăng truyền thuyết Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, nhổ tre làng đánh giặc Ân đã khiến ao đầm làng gióng lấp lánh vẻ đẹp của tinh thần yêu nước? Một truyền thuyết Hùng Vương nên địa hình núi sông hùng vĩ quanh đền Hùng mới đc gọi là “Chín mươi chín...đất tổ HV”. Niềm tự hào về mảnh đất thiêng, về xứ sở thanh bình dạt dào sông nước đã hóa thành tên gọi Cửu Long – tên một dòng sông xanh thắm đất phương Nam. Truyền thống hiếu học của những ng học trò nghèo VN bao đời đã đc tạc ghi trong tên gọi “Núi Bút, Non Nghiên”. Cuộc sống bình dị và sự đóng góp thầm lặng, khai khẩn đất hoang của những ng dân đã đặt tên cho non núi “Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm”. Đến cả “con cóc, con gà quê hương” cũng “góp cho Hạ Long thành thắng cảnh”, thành đất nước dung dị mà tươi đẹp. Hình ảnh núi sông hội tụ lấp lánh qua những vầng thơ, soi bóng tâm hồn của những cuộc đời vô danh, càng thấm thía một điều bình dị: Đất nước của nhân dân, đất nước mang màu sắc dân gian, dân dã, thiêng liêng, gần gũi... “Và ở đâu...núi sông ta”

Ý thơ đc nâng lên tầm khái quát, sự hóa thân bóng hình của nhân dân vào đất nước đã lý giải chính nhân dân là ng tạo dựng, đã đặt tên, ghi dấu ấn cuộc đời mình lên mỗi ngọn núi, dòng sông, miền đất

2. Phương diện lịch sử:

Đó là nhìn ở phương diện ko gian địa lí, còn nhìn ở phương diện lịch sử – thời gian, nhà thơ cũng đã khẳng định tư tưởng Đất nước của nhân dân. Chính tư tưởng này đã chi phối toàn bộ suy nghĩ of nhà thơ khi nhìn vào lịch sử bốn ngàn năm đất nước:

“Em ơi em...nuôi cái cùg con”

Khi nói về lịch sử of đất nước, NKĐ ko nhắc đến các triều đại tên tuổi như Đinh, Lý, Trần, Lê, cũng ko nhắc đến những anh hùng đã từng đc khắc tên trong sử sách, nhà thơ chỉ tập trung nói về những con ng vô danh, bình thường. Đó là “họ”, là “lốp lốp, con gái, con trai” đã lao động chiến đấu suốt bốn nghìn năm để dựng nước và giữ nước. Họ là Nhân dân. Tên tuổi họ chưa một lần đc khắc ghi trong sử vàng dân tộc “không ai nhớ mặt đặt tên” nhưng cuộc đời thầm lặng of mỗi ng đã “hóa núi sông ta”. Cảnh sắc núi sông gắn liền với tâm hồn dân tộc, khí phách of giống nòi.

Cái bình dị tồn tại quanh ta, hòa quyện với cái cao cả, thiêng liêng, cho thấy vẻ đẹp vĩnh hằng of đất nước và sự trường tồn of dân tộc gắn liền với muôn triệu nhân dân of mọi thế hệ, trôi theo dòng chảy văn hóa đất nước:

“Có biết bao ng con gái con trai...làm ra Đất Nước”

3. Phương diện văn hóa:

Khi nhìn vào phương diện văn hóa, nhà thơ cũng khẳng định vai trò of nhân dân: “Họ giữ và truyền cho ta....mỗi chuyến di dân”

Đất nước of nhân dân ko chỉ hiện diện ở bề rộng of ko gian địa lí, ở chiều dài of thời gian lịch sử mà còn ở thẳm sâu của tâm hồn, tầm cao of lí trí giống nòi, bề dày of văn hóa, phong tục. Nhân dân ko chỉ lao động, chiến đấu, mà còn là những ng sáng tạo ra văn hóa dân tộc. Hàng loạt những động từ đc liệt kê “giữ, truyền, chuyền, đắp, be, trồng cây, hái trái” thể hiện sự cần cù, siêng năng, tinh thần chăm lo lao động của bao thế hệ VN. Những “hạt lúa, hòn than, tiếng nói” đều rất giản dị nhưng lại chính là sự sống of mỗi cá nhân, sự sống of cả dân tộc, là nền văn hóa, là hồn thiêng sông núi mà chính nhân dân đã sáng tạo, giữ gìn, truyền qua muôn đời, tạo thành bản sắc văn hóa VN.

Mạch cảm xúc này dâng lên thành cao trào, để nhà thơ khẳng định một chân lí:

“Để đất nước này là...ca dao thần thoại”

“Đất nước of nhân dân” cũng chính là “đất nước of ca dao thần thoại”, bởi nói đến nhân dân là nói đến những nét đẹp bình dị mà tinh túy, những nét đẹp này vẫn lấp lánh trong ca dao, thần thoại. Hay nói cách khác “ca dao thần thoại” chính là sáng tác of nhân dân, phản ánh đời sống, tâm tư, tình cảm of nhân dân.

Nếu Lí Thường Kiệt với Nam Quốc Sơn Hà đã phải dùng “đế cư, thiên thu” để trang trọng hóa đất nước, nếu Nguyễn Đình Chiểu với Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, phải nhờ đến “Một mối gia thư đồ sộ, hai vàng nhật nguyệt chói lòà” để thiêng liêng hóa đất nước, thì với hệ thống từ ngữ giản dị, mang đậm văn hóa dân gian, NKĐ đã bình dị hóa đất nước, làm cho đất nước hóa thân trong tâm hồn và cuộc sống của mỗi ng dân trong đất nước này.

“Dạy anh biết yêu em...ko sợ dài lâu...sông xuôi”

Ở đoạn thơ này, nhà thơ đã vận dụng và chuyển ý sáng tạo những câu ca dao thành lời thơ đầm thắm, ca ngợi nhân dân, ca ngợi bản sắc dân tộc. Trong cả kho tàng ca dao dân ca phong phú của dân tộc, nhà thơ đã chọn lọc ba câu để nói về ba phương diện truyền thống của nhân dân. Đó là sự say đắm trong tình yêu nhân văn – “dạy anh biết yêu em từ thuở trong nôi”, đó là quý trọng lối sống tình nghĩa – “biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội” và một phẩm chất nữa là bền bỉ kiên cường trong chiến đấu giữ nước – “biết trông tre...dài lâu”

Vẫn là ý và hình ảnh của những câu ca dao, vẫn gợi ý tứ của ca dao nhưng đã trở thành một câu thơ, gắn bó với toàn mạch cảm xúc của chương V. Đó chính là nét đặc biệt of chương thơ Đất nước. Cái gì đã làm cho nước VN tồn tại mà ko xóa nhòa bản sắc of mình? Cái gì đã làm cho con ng VN có một truyền thống văn hiến rực rỡ? Chính là nhân dân VN đã sống rất đôn hậu, nhiệt tình, đời thường, ngay cả những khi hoàn cảnh lịch sử phá vỡ ko khí đời thường đó. Đoạn thơ khép lại bằng hình ảnh “dòng sông” và “câu hát” đem lại cảm nhận: đất nước ta đẹp hiền hoà và

vĩnh cửu như một dòng sông vô tận, chảy từ quá khứ đến hiện tại và vĩnh hằng với tương lai.

Trên dòng sông đất nước, âm vang những sắc màu và giai điệu văn hóa VN, phẩm chất tâm hồn VN vô cùng tự hào và yêu quý. Thán từ “ôi” mang một cảm xúc vỡ òa giữ dòng chảy văn hóa. “Gọi trăm màu” là một cách hình tượng hóa ngôn ngữ, nhưng đồng thời cũng là sự kì vọng về tinh thần hội nhập nhưng biết giữ gìn văn hóa đối với thế hệ mai sau. Đây chính là nội dung triết lí sâu sắc, một cấu trúc quy nạp đậm chất trữ tình đầy sáng tạo của nhà thơ.

VI. Chủ đề tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật:

1. Nghệ thuật:

Đoạn thơ trích trong chương V, giàu chất trữ tình chính luận, vừa đc viết bằng chiều sâu trí tuệ, chiều cao văn hóa, vừa đc viết bằng những rung động mãnh liệt of cảm xúc nên rất dễ đi vào lòng ng. Lời thơ đậm đà chất liệu văn hóa văn học dân gian, đc lấy cảm hứng từ ca dao, dân ca, cổ tích, truyền thuyết nên đậm đà sắc thái dân tộc, mở ra một đất nước thơ mộng trữ tình từ xa xưa vọng về gần gũi, thân thương. Đặc biệt, chương thơ rất ít vần, nó có chất thơ là nhờ vào việc xây dựng hình ảnh, giọng điệu thơ trầm bổng thiết tha, mang âm hưởng of ca dao, dân ca.

2. Nội dung – chủ đề – so sánh:

Tư tưởng đất nước of nhân dân ko phải đến NKĐ mới có. Tư tưởng này đã có một quá trình dài để khẳng định trong lịch sử văn học dân tộc, từ những tác phẩm văn học trung đại như Bình ngô đại cáo of Nguyễn Trãi, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu. Trong Bình ngô, Nguyễn Trãi viết:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
 Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”

Đó chính là sự đề cao vai trò of nhân dân trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Còn trong Văn tế của Nguyễn Đình Chiểu, ca ngợi ng anh hùng giữ nước là ng chiến sĩ nguồn gốc nông dân. Đó là hình ảnh ng nông dân lam lũ, côi cút bước

vào cuộc chiến đấu, họ hi sinh nhưng là hi sinh bi tráng vì quê hương đất nước. Đến thơ văn hiện đại như Đất nước của Nguyễn Đình Thi, Tre Việt Nam của Nguyễn Duy, Lửa đèn của Phạm Tiến Duật, vai trò of nhân dân với Đất nước cũng đã tiếp tục đc đề cao.

Trong Đất nước, Nguyễn Đình Thi viết:

“Ôm đất nước những ng áo vải

Đã đứng lên thành những anh hùng”

Còn trong bài Tre VN, nhà thơ đã mượn hình tượng cây tre để nói đến những phẩm chất bình dị of nhân dân trong lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:

“Thân gầy guộc, lá mong manh

Mà sao nên lũy nên thành tre ơi”

Như vậy, đề cao vai trò nhân dân với đất nước là cả một truyền thống lâu dài trong lịch sử văn học dân tộc. Tuy nhiên, để tư tưởng đó trở thành cảm hứng chủ đạo, xuyên thắm mọi biểu hiện tinh tế nhất of hình tượng đất nước, lại đc cảm nhận một cách toàn diện, sâu sắc trên nhiều bình diện thì đó là một đóng góp đặc sắc of NKĐ ở chương thơ này. Tác phẩm đã tạo nên những rung động âm vang trong lòng ng đọc chính là nhờ những cảm xúc chân thành từ sự trải nghiệm of bản thân mà nói lên những suy nghĩ chung of cả thể hệ đối với đất nước. Góp thêm một thành công cho dòng thi ca về đất nước, làm sâu sắc thêm những nhận thức về đất nước và nhân dân bằng tiếng nói nghệ thuật đậm đà chất dân gian là vẻ đẹp riêng of chương thơ Đất nước của NKĐ.

Kết bài tham khảo : Tuy ra đời cách đây hơn bốn mươi năm nhưng cho đến nay tư tưởng của bản trường ca “ Mặt đường khát vọng” vẫn còn nguyên giá trị. Riêng tôi, là một người con của đất nước anh hùng tôi luôn quý trọng những thành quả mà cha ông để lại, luôn cố gắng gìn giữ và phát huy những giá trị của dân tộc góp sức mình vào xây dựng đất nước vì bởi “Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân”.

PHẦN 2 : NHỮNG DẠNG ĐỀ THI LIÊN QUAN ĐẾN BÀI ĐẤT NƯỚC

Dạng 1 :Cảm nhận về đoạn trích trong bài Đất nước- Nguyễn Khoa Điềm

Bài này dài, các em cần chú ý những đoạn tiêu biểu sau :

- Khi ta lớn lên Đất nước đã có rồi...Đất nước có từ ngày đó
- Đất là nơi anh đến trường...Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ tổ
- Trong anh và em hôm nay...làm nên đất nước muôn đời
- Em ơi em hãy nhìn rất xa...đất nước của ca dao thần thoại

Dạng 2: Nghị luận ý kiến bàn về bài Đất nước

Đề 1: Bàn về đoạn thơ trên, có ý kiến cho rằng: *Trong đoạn thơ Nguyễn Khoa Điềm đã cố gắng thể hiện hình ảnh Đất nước gần gũi, giản dị. Đó là cách để đi vào lòng người, cũng là cách nhà thơ đi con đường riêng của mình không lặp lại người khác.*

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa” ...mẹ thường hay kể.

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

(Đất Nước-Trích trường ca Mặt đường khát vọng, Nguyễn Khoa Điềm, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.118)

Bàn về đoạn thơ trên, có ý kiến cho rằng: Trong đoạn thơ Nguyễn Khoa Điềm đã cố gắng thể hiện hình ảnh Đất nước gần gũi, giản dị. Đó là cách để đi vào lòng người, cũng là cách nhà thơ đi con đường riêng của mình không lặp lại người khác.

Gợi ý trả lời:

Mở bài :

+ Giới thiệu nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, trường ca Mặt đường khát vọng và đoạn trích trong đề bài

+Giới thiệu ý kiến trong đề bài:Trong đoạn thơ Nguyễn Khoa Điềm đã cố gắng thể hiện hình ảnh Đất nước gần gũi, giản dị. Đó là cách để đi vào lòng người, cũng là cách nhà thơ đi con đường riêng của mình không lặp lại người khác.

Thân bài :

Luận điểm 1:

+ Giải thích ý kiến: Ý kiến này khẳng định: nhà thơ đã xây dựng hình ảnh một Đất nước giản dị, quen thuộc với tất cả mọi người chứ không phải là một Đất nước kì vĩ, xa xôi. Nội dung đó được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật đặc biệt.

Đây chính là nét riêng trong phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

Luận điểm 2 :

+ Phân tích đoạn thơ để làm rõ ý kiến: đoạn thơ thể hiện cảm nhận mới mẻ và độc đáo về đất nước.

++ Tác giả đã cảm nhận đất nước trong chiều sâu văn hóa – lịch sử và trong cuộc sống đời thường của mỗi con người. Nhà thơ không dùng niên đại và sự kiện lịch sử để nói về đất nước, mà dùng giọng điệu quen thuộc của cổ tích bắt đầu bằng “ngày xưa ngày xưa...”. – Sự ra đời của Đất nước gắn với sự ra đời của những truyện cổ tích, của phong tục ăn trầu và tập quán búi tóc sau đầu, của lối sống chung thủy tình nghĩa, của truyền thống chống ngoại xâm kiên cường và bền bỉ, của truyền thống lao động cần cù, của cách ăn cách ở trong sinh hoạt...

Nói cách khác, sự ra đời của Đất nước gắn liền với sự hình thành văn hóa, lối sống, phong tục tập quán của người Việt Nam, gắn với đời sống gia đình. Những gì làm nên Đất nước cũng là những gì làm nên điệu hồn dân tộc, làm nên sự sống của mỗi người. Vì vậy mà Đất nước hiện lên vừa thiêng liêng, tôn kính, lại vừa gần gũi, thân thiết.

++ Cái đặc biệt của Nguyễn Khoa Điềm là đã nói về sự ra đời của Đất Nước bằng một cách nói giản dị đến bất ngờ. Đó là:

+++ Sử dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian (dùng những hình ảnh gần gũi trong cuộc hằng ngày, những tình cảm gia đình thân thương, những hình ảnh quen thuộc của ca dao, cổ tích, truyền thuyết...). Tác giả chỉ bắt lấy linh hồn của những câu chuyện, những phong tục... để từ đó đem đến cho người đọc những trường liên tưởng sâu xa. Vì vậy mà Đất nước trong mỗi người đẹp một cách riêng đồng thời ĐN hiện lên trong tâm thức người đọc cả một chiều dài văn hóa.

+++ Kết hợp chặt chính luận và trữ tình. Giọng thơ trữ tình trầm lắng, cảm xúc dồn nén. Nén trong từng câu chữ là vốn sống, vốn văn hóa, tình yêu Đất nước. Ngôn ngữ dung dị.

+ Bình luận về ý kiến: Đây là một ý kiến chính xác đã khái quát được giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ và thấy được những phát hiện mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm về đề tài Đất nước – Đất nước của Nhân dân, của ca dao thần thoại, của đời thường.

Bởi vậy, mỗi nhà thơ khi sáng tạo cần tạo cho mình một lối đi riêng, đó là con đường duy nhất để khẳng định tên tuổi của nhà thơ, sức sống của tác phẩm

Kết bài : đánh giá chung về đoạn trích

Thu Trang biên soạn

Dạng 3 : So sánh đoạn thơ trong bài Đất nước với đoạn thơ trong bài Sóng, Việt Bắc, Tây Tiến, so sánh với bài Đất nước của Nguyễn Đình Thi. ...

Một vài ví dụ sau :

Đề 2 : Cảm nhận về hai đoạn thơ sau:

“Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hẹn hò

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”
Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”
(Đất Nước – Trích Trường ca mặt đường khát vọng – Nguyễn Khoa Điềm)

“Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”
(Sóng – Xuân Quỳnh)

Gợi ý:

Mở bài:

Đề tài tình yêu là một trong những đề tài làm tốn nhiều giấy mực nhất đối với các thi nhân. Cuộc sống càng muôn màu thì tình yêu càng muôn vẻ, có bao nhiêu người yêu nhau thì có bấy nhiêu cách cảm nhận về tình yêu. Bằng sự cảm nhận của riêng mình, mỗi thi sĩ lại khoác cho tình yêu ấy một vẻ đẹp khác nhau. Điều đó đã được Nguyễn Khoa Điềm và Xuân Quỳnh thể hiện rất rõ trong hai đoạn thơ trích trong hai tác phẩm “Đất Nước” được sáng tác 1971 in trong trường ca “Mặt đường khát vọng” và “Sóng” sáng tác năm 1967 in trong tập “Hoa dọc chiến hào” 1968:

“Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”
Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”
(Đất Nước – Trích Trường ca mặt đường khát vọng – Nguyễn Khoa Điềm)

Và:

“Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức”

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Khi chúng ta đi đối chiếu so sánh hai đoạn thơ sẽ thấy được điểm tương đồng và khác biệt một cách độc đáo của hai đoạn thơ, hai phong cách, hai thi sĩ này.

Thân bài :

Luận điểm 1 :

Giới thiệu vài nét về hai tác giả, hai tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác và vị trí hai đoạn thơ cần phân tích

Sóng- Xuân Quỳnh

.- Nhà thơ của hạnh phúc đời thường: tiếng thơ khao khát tình yêu, hạnh phúc đời thường bình dị.

– Cái tôi độc đáo: giàu vẻ đẹp nữ tính, thành thật, giàu đức hi sinh và lòng vị tha, khát vọng yêu chân thành, mãnh liệt gắn với cảm thức lo âu về sự phai tàn, đổ vỡ., cùng những dự cảm bất trắc.

Tác phẩm

+ Xuất xứ: 1967, nhân chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập thơ Hoa dọc chiến hào.

+ Đoạn thơ thứ 5 miêu tả nỗi nhớ của nhân vật trữ tình ” Em”

Đất nước- Nguyễn Khoa Điềm

Thơ Nguyễn Khoa Điềm cuốn hút người đọc bằng cảm xúc trữ tình nồng thắm và chất suy tư sâu lắng, ông cất lên tiếng nói của một người trí thức thiết tha gắn bó

với quê hương, giàu ý thức trách nhiệm với nhân dân, đất nước.

Đoạn trích Đất Nước là phần đầu chương V của trường ca Mặt đường khát vọng.

Tác phẩm này được hoàn thành năm 1971, thể hiện sự thức tỉnh của thế hệ trẻ miền Nam về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước.

Đoạn thơ trên thuộc phần đầu chương V

Luận điểm 2 : Điểm giống nhau

-Trước hết điểm tương đồng giữa hai đoạn thơ chính là viết về tình yêu đôi lứa trong nỗi nhớ, niềm thương.

+Đúng vậy, tình yêu thì luôn gắn liền với nỗi nhớ, có ai yêu mà chưa bao giờ nếm mùi của cảm giác chờ mong, khắc khoải. Tất cả biểu hiện của nỗi nhớ trong tình yêu rốt cuộc cuối cùng chỉ là khát khao hướng tới người mình yêu, mong muốn được ở gần người trong trái tim mình.

+Trong ca dao xưa chẳng phải người xưa họ cũng đã từng diễn tả cái nỗi nhớ trong tình yêu rồi hay sao:

“ Nhớ ai bồi hồi, bồi hồi

Như đứng đồng lúa như ngồi đồng than”

Hay

“ Đêm nằm lưng chẳng tới giường

Mong cho mau sáng ra đường gặp anh”

+ Ấy thế nhưng, trong đoạn thơ của NKĐ để diễn tả nỗi nhớ trong tình yêu, tác giả đã mượn hình ảnh của chiếc khăn – tín vật giao ước kết đôi mà biểu hiện nỗi nhớ:

“ ĐN là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”

Tín vật tình yêu chính là điểm giao kết cho đôi bạn tình. Từ xưa đến nay, những người yêu nhau như càng muốn thể hiện sự khăng khít gắn bó mặn nồng, thường lấy một tín vật nào đó mà kết duyên, giao ước. Họ coi đó như là “sợi chỉ hồng” của ông lão bà tơ se duyên kết mối. Hình ảnh chiếc khăn được nhắc đến trong đoạn thơ là một hình ảnh quen thuộc trong ca dao xưa:

“Khăn thương nhớ ai
 Khăn rơi xuống đất
 Khăn thương nhớ ai
 Khăn vắt lên vai
 Khăn thương nhớ ai
 Khăn chùi nước mắt...”

Đó là chiếc khăn tín nghĩa, biểu trưng cho tình cảm thật đẹp, thật trong sáng trong nỗi nhớ yêu thương.

+ Còn trong đoạn thơ của bài Sóng, cái tình yêu khát vọng của người phụ nữ “khát khao sống, khát khao yêu” dù bình dị nhưng rất đổi mãnh liệt này không cần đến vật giao ước kết đôi mà vẫn diễn tả được hết tất cả cái nỗi nhớ đến điên cuồng mãnh liệt. Bởi tình yêu ấy đã vượt qua mọi chiều kích giới hạn chật hẹp để đến với tình yêu (sâu- rộng), vượt qua mọi bến bờ của vũ trụ, xuyên qua không gian, thời gian (ngày – đêm) và kết tụ ngay cả khi “thức” lẫn khi “ngủ” của Xuân Quỳnh. Nó rộn ngợp giống như nỗi nhớ đã bao trùm giăng mắc mọi thứ xung quanh như ám vào vạn vật nên cần chi “vật giao ước” mà thể nghiệm nỗi lòng thương yêu?. Cho nên tình yêu ấy với nỗi nhớ ấy càng trở nên da diết, khắc khoải hơn bao giờ hết. Nó không đơn thuần chỉ là nỗi nhớ bình thường vụt đến rồi vụt tan mà nỗi nhớ ấy đã trở thành gánh nặng tâm tư trong lòng người con gái đang yêu mất rồi.

-Nếu thật thiếu sót nếu chúng ta không nhìn nhận ra điểm tương đồng của hai đoạn thơ ấy chính là: cả hai thi sĩ đều rất tài tình dụng công mượn hình ảnh, sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh để diễn tả tâm tư tình cảm của mình.

+ Với đoạn trích trong bài thơ ĐN, tác giả đã kể đến những sự vật xung quanh mỗi chúng ta. Đó là trường học, là nơi sinh hoạt hằng ngày (nơi em tắm), là nơi cư trú, định cư (nơi chim về, nơi rồng ở). Tất cả những sự vật xung quanh của mỗi chúng ta ấy đều là những cái bình dị, thân thương mà chúng ta ít chú ý đến. Tác giả nhắc đến mỗi sự vật ấy đều gắn với hai tiếng ĐN chính là muốn truyền tải tư tưởng: ĐN

không tồn tại ở đâu xa xôi mà nó hóa thân, hiện hữu xung quanh mỗi chúng ta. Đó chính là mỗi sự vật mà chúng ta nhìn thấy, tất cả những sự vật nhỏ bé ấy đều góp phần làm nên dáng hình, diện mạo ĐN.

+ Còn Sóng của XQ cũng vậy, chị đã mượn hiện tượng tự nhiên của sóng biển để soi vào nhịp lòng mình, nhịp đập của con tim đang rung lên đồng điệu với nhịp sóng, đang bùng lên khát vọng trong tình yêu và nỗi nhớ:

“Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được”

Những đợt sóng dâng trào, sóng tiếp sóng ào ạt lúc thì lẫn tẩn gổ lên nhau trên “mặt nước”, lúc lại luôn tiềm ẩn cái dữ dội, ồn ào “lòng sâu” dưới đáy bể đại dương bao la thăm thẳm. Tất thấy những đợt sóng đều cuộn cuộn xô đuổi nhau đến tận chân trời, đưa sóng đến gần hơn với bờ. Bờ chính là điểm đến của sóng, là chỗ dựa vững chắc cho điểm về của sự bình yên, phẳng lặng.

Luận điểm 3 :Sự khác biệt

- Bên cạnh điểm giao thoa, kết sóng thì giữa hai đoạn thơ còn có điểm khác biệt rõ ràng. Nhưng chính điểm khác biệt ấy đã tạo nên cái độc đáo, cái sức hấp dẫn riêng của mỗi phong cách thi nhân.

+Tình yêu đôi lứa trong đoạn thơ ĐN của NKĐ gắn liền với tình yêu ĐN, tình yêu đôi lứa dưới con mắt của ông là một thứ tình yêu “hóa thân”, “nảy mầm” nên tình yêu ĐN. Chính tình yêu đôi lứa cũng là một yếu tố góp phần làm nên diện mạo của một đất nước trù phú, tươi vui. Điều này, cũng đã được các nhà thơ cùng thời với NKĐ ý thức rất rõ, ta có thể lấy dẫn chứng tiêu biểu trong bài thơ “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

*Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
 Như xuân đến chim rừng long trở biếc
 Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”*

+ Còn trong đoạn thơ của bài thơ Sóng, tình yêu luôn tuyệt đối hóa trong tình yêu riêng tư, tình yêu đời thường. Cái chất đời thường trong tình yêu gắn liền với nỗi nhớ ấy đã được XQ diễn tả thông qua hình tượng “ sóng” với sự phân thân củanhân vật trữ tình “em”:

*“Lòng em nhớ đến anh
 Cả trong mơ còn thức”*

Đó là một “cái tôi” tràn đầy cảm xúc khi đang tự lòng mình diễn tả nỗi nhớ người yêu trào qua đầu ngọn bút. Tất cả như cuồng nhiệt, như say mê mà muốn nhấn chìm đi mọi thứ xung quanh. Chẳng thế mà bài thơ vốn được viết theo thể ngũ ngôn nay đến khổ thơ này đã tự dôi ra hẳn hai câu thơ và nhà thơ lại còn trực tiếp diễn tả nỗi nhớ ấy bằng chính nhịp đập của trái tim mình thì quả thực cái nỗi nhớ của cái tôi cá nhân ấy không có một bút lực nào có thể tả xiết. Trong một bài thơ khác của chị, chị cũng đã từng thẳng thắn bộc bạch hết mọi tâm can của mình hướng tới người mình yêu. Đó là biểu hiện của một trái tim đang yêu chân thành, đắm thắm:

*“ Em trở về đúng nghĩa trái tim em
 Là máu thịt đời thường ai chả có
 Cũng ngừng đập khi cuộc đời không còn nữa
 Vẫn yêu anh cả khi chết đi rồi”*

+Đoạn thơ ĐN sử dụng thể thơ tự do, kết hợp với nghệ thuật chiết tự từ (Đất là gì?, Nước là gì?) cùng với việc sử dụng hàng loạt các hình ảnh sự vật tự nhiên đã có tác dụng diễn tả thật đắt tư tưởng Đất Nước của mình. Hướng người đọc đến sự hóa thân kỳ diệu của ĐN trong từng sự vật nhỏ bé, đơn sơ, bình dị đến lạ thường.

+Đoạn thơ trong bài sóng của XQ sử dụng thể thơ ngũ ngôn với việc mượn hình

tượng sóng biển để soi tỏ nhịp đập thổn thức của trái tim người phụ nữ đang yêu có tác dụng diễn tả thật đắt nổi nhớ niềm thương và tấm lòng thủy chung son sắt của một tâm hồn đa sầu, đa cảm.

-Như ta đã biết, Nghệ thuật luôn đòi hỏi tính sáng tạo, mỗi người nghệ sĩ luôn cố gắng tạo cho mình một phong cách nghệ thuật riêng. Vì thế các tác phẩm tạo ra mới không bị nhòe lẫn vào các tác phẩm của nhà thơ khác.

+ Không nằm ngoài lệ, NKĐ luôn thể hiện một phong cách thơ trữ tình – chính luận. Với sự tự ý thức về vai trò- chức năng của một nghệ sĩ – chiến sĩ thì đối với ông, thơ ca chính là ngọn nguồn cảm hứng viết lên những bản tình ca bất hủ về ĐN. Cho nên tình yêu đôi lứa dưới con mắt của nhà thơ nó chính là một phần biểu hiện của một tình yêu đất nước muôn đời.

+Còn thi sĩ XQ thì ngược lại, chỉ tìm cho mình một tiếng nói riêng trong trái tim của một người phụ nữ hồn hậu đa sầu, đa cảm với những khoảnh khắc rung động trong tình yêu đôi lứa. Tình yêu ấy luôn cháy rục ngọn lửa trong các trang thơ của XQ thật muôn vẻ muôn phần. Vì thế, dưới con mắt của thi sĩ, tình yêu luôn được cụ thể hóa trong một tâm hồn khát khao hướng tới hạnh phúc riêng tư, đời thường.

Luận điểm 4 :

Lí giải sự khác biệt :

+ Do hoàn cảnh sáng tác

+ Do phong cách nghệ thuật, cá tính sáng tạo của mỗi nhà thơ

Kết bài : Như vậy,qua việc cảm nhận ở trên ta thấy rằng cả hai đoạn thơ đều có chung đặc điểm viết về tình yêu đôi lứa nhưng mỗi thi sĩ lại có một tiếng nói riêng cho tư tưởng của bản thân mình. Với NKĐ tình yêu đất nước là vĩnh cửu, với XQ tình yêu đôi lứa là muôn thưở muôn đời. Chính mỗi người lại có một phong cách thơ và cách nhìn nhận riêng của mình về cuộc sống, đều góp phần đặc lực cho vườn thơ dân tộc thêm sáng trong và tỏa hương thơm ngát.

Dạng 4: liên hệ thực tế.

Ví dụ như đề bài cho cảm nhận đoạn trích, sau đó yêu cầu liên hệ tới trách nhiệm của thanh niên trong tình hình biển đảo hiện nay, hoặc liên hệ tới lòng yêu nước, nghĩa vụ với đất nước, ...

Ví dụ đề bài sau :

Đề bài 3: Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm có viết:

“Em ơi em đất nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên đất nước muôn đời”

(Mặt đường khát vọng)

Hãy viết một bài văn nghị luận để trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề trách nhiệm của thế hệ trẻ với đất nước hiện nay.

Phần thân bài cần có các ý sau:

- Thông điệp mà Nguyễn Khoa Điềm muốn đưa ra với tuổi trẻ qua 4 câu thơ:

+ Cần có một nhận thức đúng đắn về đất nước: “đất nước là máu xương của mình”

+ Cần có trách nhiệm với đất nước: “gắn bó và san sẻ” “hóa thân cho dáng hình xứ sở” ...biết hi sinh, cống hiến cho đất nước.

– Suy nghĩ của bản thân:

+ Bản thân cần biết nhận thức đúng về đất nước: đất nước gần gũi, thân thuộc , ở quanh ta, ở trong ta, là một phần trong mỗi chúng ta.

+ Bản thân phải có trách nhiệm chung sức gánh vác nhiệm vụ chung trong công cuộc xây dựng đất nước; sẵn sàng cống hiến trí tuệ, tài năng để đưa đất nước đi lên

– Bàn bạc, mở rộng vấn đề:

+ Thông điệp của tác giả Nguyễn Khoa Điềm vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại đất nước không còn giặc ngoại xâm, thời đại xây dựng nhận thức đúng đắn của thế hệ thanh niên về đất nước, về vai trò và trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước.

+ Làm thế nào để phát huy được tinh thần trách nhiệm đối với đất nước: học tập tốt, rèn luyện tốt để cống hiến trí tuệ và sức lực; có lối sống lành mạnh luôn sẵn sàng san sẻ mọi khó khăn khi Tổ quốc cần.

Khi viết phần thân bài cho đề bài này cần chia tối thiểu 3 đoạn, mỗi đoạn ứng với 3 luận điểm (*Thông điệp mà Nguyễn Khoa Điềm muốn đưa ra với tuổi trẻ qua 4 câu thơ/ Suy nghĩ của bản thân / Bàn bạc, mở rộng vấn đề*). Người viết cần phải vận dụng cách viết câu, cách chuyển ý, chuyển đoạn, cách dùng từ, hành văn để triển khai đầy đủ các ý đã định ra ở dàn ý trên.

Dạng 5: Phân tích/ cảm nhận một phương diện thuộc nội dung hoặc nghệ thuật của đoạn trích

Đề bài 4: Tư tưởng đất nước của nhân dân được thể hiện như thế nào trong đoạn trích ĐN

Bài làm:

Đất nước là một chủ đề được quan tâm hàng đầu đối với văn học của những đất nước cũ chiến tranh, vì thế là một chủ

đề xuyên suốt lịch sử văn học nước ta. Mỗi thời đại có một cách hiểu, cách quan niệm riêng về đất nước. Thời trung đại người ta thường quan niệm đất nước gắn liền với công lao của các triều đại, do các triều đại kế tiếp nhau gây dựng lên. Còn ở thời hiện đại, khi người ta nhìn thấy rõ sức mạnh to lớn của nhân dân, người ta mới thấy rằng đất nước là của nhân dân. Điều này tất nhiên càng được các nhà văn Việt Nam ý thức sâu sắc hơn ai hết khi dân tộc ta tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại chống Mỹ cứu nước. Tư tưởng xuyên suốt chương thơ Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm chính là tư tưởng ấy:

“Đề đất nước này là đất nước nhân dân

Đất nước của nhân dân, đất nước của ca dao, thần thoại”.

Tư tưởng này đã được Nguyễn Khoa Điềm thể hiện một cách nhuần nhuyễn trong cả chương thơ rất dài, trước hết bằng một chất liệu hết sức phù hợp: chất liệu văn hoá dân gian.

Quả là viết về tư tưởng đất nước của nhân dân thì không có chất liệu nào có thể có ưu thế bằng văn hoá dân gian. Chính vì thế mà Nguyễn Khoa Điềm đã khai thác một cách phong phú vốn văn hoá dân gian giàu có của ta để viết nên bài thơ này. Có thể nói cả bài thơ đã được sáng tạo, tái tạo từ những gì quen thuộc nhất trong nền văn hoá dân gian lâu đời của người Việt Nam. Có thể thấy hàng loạt những câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca, hàng loạt những truyện cổ, hàng loạt những phong tục, tập quán, hàng loạt những địa danh rải trên khắp sông núi đã được huy động vào trong bài thơ này. Có những câu thơ, đoạn thơ tác giả trích nguyên văn từ những câu ca dao. Nhưng phần quan trọng hơn là những chất liệu ấy đã được nhào nặn bằng một cảm xúc mới với một ánh sáng mới, khiến cho những câu thơ vừa rất hiện đại vừa thấm đẫm chất dân gian truyền thống. Chúng ta không khó khăn gì khi chỉ ra những truyện cổ, những câu thành ngữ, tục ngữ đã hoá thân thành các câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm. Đọc câu:

“Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”

“Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng”

hay câu – “Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm” .

Chúng ta có thể thấy ngay trong đó diện mạo của các câu thành ngữ “một nắng hai sương”, câu ca dao “Em ơi chua ngọt đã từng – Gừng cay muối mặn ta đừng quên nhau”, và bài ca dao nổi tiếng:

“Khăn thương nhớ ai – khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai – khăn vắt trên vai”

Thậm chí có những câu thơ rất giản dị nhưng dường như đã được nhào nặn, tái tạo từ nhiều nguồn chất liệu khác nhau.

Ví như: “Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn. Nó gọi lên trong chúng ta một tập tục đã ăn sâu vào truyền thống của người Việt: tục ân trầu, nó gọi lên những thành ngữ quen thuộc:

“Miếng trầu là đầu câu chuyện”

“Coi trầu nên dâu nhà người”

Đồng thời nó cũng gọi lên trong chúng ta một sự tích vào loại cổ nhất của người Việt: “Sự tích trầu cau”. Ngoài ra nó cũng đánh thức dậy hình ảnh những miếng trầu đã trở thành các biểu tượng của tình yêu, lòng thủy chung: miếng trầu của cô Tấm, miếng trầu của Xuân Hương. Nhờ am hiểu khá sâu sắc và phong phú vốn văn hoá dân gian cho nên ngòi bút của Nguyễn Khoa Điềm tỏ ra rất linh hoạt. Người ta thấy rõ những hình ảnh, hình tượng trong bài “Đất nước” này được khơi dậy, được vun trồng bằng văn hoá dân gian và bản thân chúng cũng bắt rễ rất sâu vào nguồn văn hoá dân gian ấy. Văn hoá dân gian đã nuôi dưỡng cho một hồn thơ, khơi dòng cho một cảm hứng và nuôi dưỡng cho đến từng câu thơ trong bài “Đất nước” của Nguyễn Khoa Điềm.

Được viết trong thời chống Mỹ, bài “Đất nước” của Nguyễn Khoa Điềm dường như là một sự nhận thức lại về một vấn đề đã trở nên quen thuộc: vấn đề đất nước. Đất nước được hình thành như thế nào? Đất nước của ai, đất nước được hiện lên trong đời sống hàng ngày ra sao? Nguyễn Khoa Điềm đã nghiền ngẫm để trả lời những câu hỏi ấy. vì thế nhà thơ đã khám phá, phát hiện vé đất nước. Mà tựu chung là khám phá trên ba bình diện: bề rộng không gian, chiều dài lịch sử, bề dày văn hoá ở bình diện nào cũng có những phát hiện thật lí thú, sắc sảo và hết sức bất ngờ. Có lẽ đối với bất cứ Tổ quốc nào thì hai thành phần khởi đầu, hai “nguyên tố”, hai tế bào khởi đầu cho mọi sự sinh thành đều cũng là Đất và Nước. Hai nguyên tố này kết hợp với nhau, giao hoà với nhau để rồi từ đó mà sinh thành nên cái cơ thể của đất đai, nước non, xứ sở. Nguyễn Khoa Điềm đã bắt đầu khám phá bề rộng không gian từ hai nguyên tố ấy:

“Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất nước là nơi ta hò hẹn

Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”

Đoạn thơ trên đây đã được viết bằng tư duy vừa giàu chất trữ tình thơ ca, vừa mang tính huyền thoại, vừa thấm đượm một phong vị triết học. Không phải ngẫu nhiên mà Đất tương ứng với Anh, Nước tương ứng với Em. Một yếu tố thuộc Âm, một yếu tố thuộc Dương. Khi nói riêng về từng người thì Đất nước cũng tách riêng thành hai chữ. Nhưng đến khi Anh với Em hò hẹn, Anh với Em hợp lại để thành Ta thì Đất và Nước cũng liền lại với nhau thành Đất Nước. Như vậy Đất và Nước hoà hợp cùng với tình yêu và trong tình yêu của con người. Từ đó bắt đầu sự sinh sôi. Và khi Em nhớ Anh thì cả Đất Nước dường như cũng sống trong nỗi nhớ thầm. Cho nên câu thơ “Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm” là một câu thơ đẹp trong đó tình yêu đôi lứa đã hoà hợp làm một với tình yêu của đất nước.

Cứ thế, đất nước lớn lên trong tình yêu. Cả trong phạm vi đôi lứa, cả trong phạm vi của cộng đồng. Tư duy của Nguyễn Khoa Điềm cứ mở rộng mãi để bao quát sự sinh thành, trưởng thành, mở mang của cả đất nước:

“Đất là nơi con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc

Nước là nơi con cá ngư ông mong nước biển khơi”

“Đất nước là nơi dân mình đoàn tụ

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng”.

Song song với quá trình sinh thành đất và nước để tạo ra thành địa bàn cư trú của người Việt suốt mấy nghìn năm qua, là sự sinh sôi của các địa danh. Mỗi một địa

đanh không phải là một dòng tên vô nghĩa. Đằng sau mỗi tên đất, tên rừng, tên núi, tên sông là mỗi cuộc đời, mỗi cuộc đời là một kì tích, một huyền thoại. Một mảnh đất chưa có tên là một miền đất hoang chưa có lịch sử, chưa có sự sống của con người. Vì thế khi địa danh lan đi đến đâu thì đất đai được mở rộng đến đó. Nó là dấu ấn về sự sinh tồn của dân tộc này. Cho nên lần theo những địa danh Nguyễn Khoa Điềm đã dựng lại được cả diện mạo non sông đất nước, mỗi địa danh đều làm rung động sâu tâm linh của con người: Núi bút non nghiên, hòn Trống Mái, Vọng Phu, vịnh Hạ Long, sông Cửu Long, ông Đốc, ông Trang, bà Đen, bà Điềm... Mỗi địa danh là một cuộc đời, mỗi cuộc đời hoá thân thành sông núi. Điều đó cũng có nghĩa là chính nhân dân đã gây dựng, mở mang, gìn giữ nên đất nước này.

Một đất nước mới chỉ có lãnh thổ không thôi thì chưa đủ. Nó còn phải có lịch sử, lịch sử của một dân tộc chính là sự sống của dân tộc ấy trong chiều dài thời gian. Điềm vé lịch sử, Nguyễn Khoa Điềm không nhắc tên những triều đại nổi tiếng, những anh hùng hữu danh. Trái lại nhà thơ thấy bốn nghìn năm lịch sử là một cuộc chạy tiếp sức không mệt mỏi của bốn nghìn thế hệ. Họ cầm trong tay ngọn đuốc sự sống của Việt Nam. Mỗi thế hệ chạy một quãng đường và trao lại cho thế hệ kế tiếp:

*“Nhưng em biết không
 Có biết bao người con gái, con trai
 Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
 Họ đã sống và chết
 Giản dị và bình tâm
 Không ai nhớ mặt đặt tên
 Nhưng họ đã làm ra đất nước”.*

Cứ như thế sự sống của đất nước được duy trì, được gìn giữ và phát triển bởi vô số những con người vô danh. Và lịch sử cũng không chỉ được hiểu như là những cuộc

chống ngoại xâm kế tiếp. Mà lịch sử là toàn bộ sự sống của người Việt. Chính những người vô danh đã gìn giữ sự sống này qua những việc rất cụ thể:

‘Họ truyền lửa qua mỗi nhà từ hòn than qua con cúi
 Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
 Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
 ...vùng lên đánh bại’.

Cứ như thế đã suốt bốn nghìn năm, lịch sử này thuộc về những người vô danh, thuộc về nhân dân.

Nói về một đất nước mà mới chỉ dừng lại ở lãnh thổ và lịch sử không thời thì rõ ràng chưa đủ. Sự sống của một cộng đồng trong thời gian, cần phải được kết tinh thành lối sống riêng, cốt cách riêng, tâm hồn riêng, khuôn mặt riêng... không lẫn với những dân tộc khác. Có nghĩa là nó phải kết tinh thành bản sắc văn hoá. Thiếu điều này, người ta chưa thể hình dung được đầy đủ về một đất nước thực thụ. **Chính vì thế, Nguyễn Khoa Điềm đã nghiên ngẫm và tiếp tục khám phá đất nước ở bình diện thứ ba: bề dày văn hoá.**

Cũng thống nhất với các bình diện trên, ở đây khi điếm về văn hoá, Nguyễn Khoa Điềm không nhắc đến những công trình nổi tiếng thuộc nền văn hoá bác học như những công trình kiến trúc: chùa Một Cột, chùa Bụt Thập, không kể đến những công trình điêu khắc: tượng các vị la hán chùa Tây Phương, các tác phẩm văn học như: Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm... Đó cũng là những công trình tiêu biểu cho nền văn hoá Việt Nam. Tuy nhiên, đó là thứ văn hoá dễ thấy, nó cũng giống như những người anh hùng hữu danh, ai cũng ngưỡng mộ. Nguyễn Khoa Điềm quan tâm đến một thứ văn hoá khác, đó là những sản phẩm văn hoá nhỏ nhoi bình thường đến tầm thường, đã quen thuộc đến quen nhàm trong đời sống hàng ngày, khiến cho chúng ta dừng dừng, lãng quên. Đất nước đã được phát hiện từ một câu chuyện cổ tích, một câu ca dao vạt vương trôi nổi ở chôn thôn quê, được phát hiện từ cái kèo, cái cột nôm na, được phát hiện từ vị gừng cay muối mặn

mộc mạc, được phát hiện từ cách làm ra hạt gạo, dải dầu một nắng hai sương, được phát hiện từ cách bới tóc sau đầu của người Việt... khiến cho chính người đọc cũng phải bất ngờ, - vỡ lẽ ra rằng: không phải tìm kiếm đất nước ở đâu xa mà đất nước ở quanh ta, ở trong ta, ở ngay những gì đơn sơ thân thuộc nhất. Nhưng có lẽ bất ngờ nhất vẫn là sự phát hiện này: “Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn”. Câu thơ dường như là một nghịch lý, phi lý. Đất nước là một khái niệm lớn lao thiêng liêng, hệ trọng, tại sao lại có thể nằm trong một miếng trầu nhỏ nhoi, tầm thường, không có gì quan trọng? Đi tìm sự khởi thủy của một đất nước, nghĩa là phải ngược thời gian trở về với ngọn nguồn xa xưa, sao lại bắt đầu với miếng trầu của “bây giờ”? Câu thơ xem ra thật là phi logic. Nhưng ngẫm nghĩ, ta sẽ thấy cái phi logic kia chỉ là hình thức của câu thơ. Tác giả đã mượn hình thức phi lý để chứa đựng một điều hợp lý Đó là một đất nước dù lớn đến đâu cũng bắt đầu từ những cái nhỏ nhoi. Vô số những cái nhỏ nhoi mới làm nên sự lớn lao. Nói một cách khác, không có cái nhỏ nhoi như miếng trầu thì cũng không có sự lớn lao như đất nước. Thì ra mỗi miếng trầu kia đều gánh trong nó một phần đất nước, mỗi miếng trầu bà ăn hôm nay đều đã có bốn nghìn năm tuổi. Cho nên cái hiện diện của hôm nay, của bây giờ, đằng sau nó có cả một lịch sử lâu dài. Vì thế quá khứ luôn có mặt với hiện tại, lịch sử vẫn đang hiện diện với hôm nay. Những câu thơ như thế thực sự là một phát hiện bất ngờ khiến cho người đọc phải ngỡ ngàng. Nó không chỉ là sản phẩm của một tư duy sắc sảo. Mà trước hết nó là sản phẩm của một tình yêu, một tấm lòng. Nếu không có một sự trân trọng với tất cả những gì mà tổ tiên đã chắt chiu, chi chút, gìn giữ suốt mấy nghìn năm, thì Nguyễn Khoa Điềm không thể có được những câu thơ cứ thể làm rung động tâm linh người Việt đến như thế.

Toàn bộ đoạn thơ này được viết bằng hình thức một cuộc tâm tình của một đôi trai-gái. Họ ‘hẹn hò với nhau, họ tâm sự, tự tình. Những khi riêng tư nhất, cần phải nói những chuyện sâu kín nhất, họ lại nói về đất nước. Đất nước đã trở thành môi quan

tâm hàng đầu của cả dân tộc, của từng con người, của mỗi đôi lúa. Qua đó Nguyễn Khoa Điềm đã biến một vấn đề chính trị thành một câu chuyện tâm tình, một dòng tâm sự. Có lẽ nhờ thế mà tính truyền cảm của bài thơ trở nên mạnh mẽ hơn, sâu hơn. Nguyễn Khoa Điềm cũng phát huy một tư duy thơ độc đáo, đó là một lối tư duy nghiêng về suy ngẫm, thâm trầm, sâu lắng. Mỗi một lời thơ kết tinh bao suy tư. Cho nên lời thơ nào, câu thơ nào cũng nặng ý tưởng. Khiến cho người đọc thơ phải cùng suy ngẫm với tác giả mới có thể thấu hiểu được những ý tưởng giản dị mà hàm súc, chất chứa đằng sau mỗi lời thơ đó. Và là nhờ suy tư thâm trầm sắc sảo mà Nguyễn Khoa Điềm mới có thể phát hiện ra được rằng: đất nước là ở quanh ta, thậm chí đất nước ở ngay trong ta:

*“Trong anh và em hôm nay
 Đâu có một phần đất nước
 Khi hai đứa cầm tay
 Đất nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm
 Khi chúng ta cầm tay mọi người
 Đất nước vẹn tròn, to lớn”.*

Và cũng chính nhờ đó mà Nguyễn Khoa Điềm mới tiếp cận chân lí: Đất nước này là đất nước của nhân dân.

Đất nước là một đề tài muôn thuở. Chừng nào mỗi con người vẫn là con đẻ của một dân tộc, của một mảnh đất, chừng ấy người ta vẫn còn viết về cái mảnh đất thiêng liêng được gọi là Tổ quốc của mình. Mỗi thời có một cảm nhận riêng, nhưng tất cả đều phải xuất phát từ một tấm lòng chung, đó là sự thiết tha, sự thủy chung với giang sơn Tổ quốc. Nếu thiếu điều này thì dù sự am hiểu văn hoá phong phú đến đâu, tư duy dù sắc sảo đến đâu cũng không giúp cho thi sĩ viết nên những tiếng thơ có khả năng rung động hàng triệu trái tim người.

Theo GS Nguyễn Đăng Mạnh

MỘT SỐ ĐỀ BÀI THAM KHẢO THÊM

Đề 5 : So sánh đoạn thơ trong bài Đất nước và Tây Tiến
Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ sau:

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Tây Tiến – Quang Dũng)

*“Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời”*

(Đất Nước- Nguyễn Khoa Điềm)

Hướng dẫn cách làm : Đây là dạng đề so sánh hai đoạn thơ, nếu các em chưa biết cách làm bài thì có thể đọc bài viết hướng dẫn cụ thể này nhé :

<http://thutrang.edu.vn/huong-dan-lam-dang-de-so-san-hai-doan-tho>

Mở bài:

Tây Tiến của Quang Dũng và Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm là những bài thơ đặc sắc trong nền thơ cách mạng Việt Nam. Hai tác phẩm này đã nói về những con người vô danh lặng thầm chiến đấu bảo vệ quê hương. Mỗi bài thơ đều để lại những cảm xúc, suy tư sâu lắng trong lòng người đọc. Trong đó có những câu thơ rất đặc sắc:

*“Rải rác biên cương mồ viễn xứ
.....”*

Và:

*“Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ*

*Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
 Làm nên Đất Nước muôn đời”*

Thân bài:

Trước hết chúng ta tiến hành phân tích từng đoạn:

a. Đoạn thơ trong bài Tây Tiến

* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn thơ

+ Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài (thơ, văn, nhạc, hoạ), cũng là một người lính, sống một đời lính oanh liệt, hào hùng. Quãng đời ấy đã trở thành cảm hứng đặc sắc trong thơ ông. Bài thơ Tây Tiến viết về người lính, về những chàng trai “chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh” – người lính Tây Tiến.

+ Tây Tiến là một đơn vị bộ đội thành lập đầu năm 1947. Thành phần chủ yếu là thanh niên trí thức Hà Nội. Nhiệm vụ của họ là phối hợp với bộ đội Lào, đánh tiêu hao lực lượng địch ở Thượng Lào, bảo vệ biên giới Việt Lào. Sau một thời gian hoạt động ở Lào, đoàn quân Tây Tiến trở về Hoà Bình thành lập trung đoàn 52. Năm 1948, nhà thơ Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác, không bao lâu, ông nhớ đơn vị cũ sáng tác bài thơ này.

+ Bài thơ có 4 khổ, đây là khổ thứ 3, nội dung khắc hoạ hình tượng người lính TT

*Phân tích cụ thể:

- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ, nhớ về đồng đội và địa bàn hoạt động của đoàn quân, nhớ về vùng đất mà bước chân hào hùng mà đoàn binh Tây Tiến đã đi qua – Tây Bắc. Vùng đất đó với thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ và thơ mộng, trữ tình, vùng đất ấy với những con người tài hoa, duyên dáng và nghĩa tình. Trên nền cảnh ấy là hình ảnh người lính Tây Tiến. Họ hiện lên thật ấn tượng với phẩm chất hào hùng đáng kính, họ đã hi sinh dọc đường hành quân, hi sinh dọc miền biên giới – họ đã hi sinh vì lí tưởng sống cao đẹp:

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

*Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

- Đoạn thơ sử dụng rất nhiều từ Hán Việt mang sắc thái trân trọng, thể hiện không khí trang nghiêm, lòng thành kính thiêng liêng của nhà thơ trước sự hi sinh của đồng đội. Những từ ngữ ấy như những nén tâm nhang thấp lên đưa tiễn những người đã ngã xuống. Chính hệ thống từ ngữ ấy kết hợp với những hình ảnh giàu sức gợi (biên cương, chiến trường, áo bào, khúc độc hành) cũng tạo sắc thái cổ kính, gợi liên tưởng đến sự hi sinh oanh liệt của những anh hùng, dũng tướng sẵn sàng chấp nhận cảnh “da ngựa bọc thây” đầy bi tráng trong văn học trung đại.

- Câu thơ đầu đoạn thơ sử dụng nhiều từ Hán Việt (biên cương, viễn xứ) nhưng sức nặng của cả câu lại dồn vào một từ thuần Việt: “mò”. Mò cũng là mộ nhưng không phải mộ theo đúng nghĩa. Đó chỉ là những nắm đất được đào vùi, chôn mau ngay trên con đường hành quân vùi vãi để đoàn quân lại tiếp tục lên đường. Đặt trong không gian bao la, mênh mông hoang sơ của miền biên giới Việt – Lào, những nắm mò ấy gợi lên bao nỗi xót xa.

- Trong câu thơ thứ hai, tác giả sử dụng nghệ thuật đảo ngữ (chiến trường đi) để nhấn mạnh đích đến của người lính, người chiến sĩ. Trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, sứ mệnh đất nước rất mỏng manh, chiến trường là đích đến duy nhất, là sự lựa chọn đầy trách nhiệm của cả một thế hệ. Với họ, “đường ra trận mùa này đẹp lắm” và “cuộc đời đẹp nhất trên trận chiến chống quân thù”. Cách nói “chẳng tiếc đời xanh” cho thấy sự dứt khoát, lòng quyết tâm, coi thường gian nguy, coi thường cái chết. Họ sẵn sàng hiến dâng cả đời xanh, tuổi trẻ, quãng đời đẹp nhất cho tổ quốc, hơn thế nữa, tính mạng của họ cũng sẵn sàng hi sinh để làm nên dáng hình đất nước. Họ ra đi với tinh thần của cả thời đại “Người ra đi đâu không ngoảnh lại”. Đó là lí tưởng sống cao đẹp, hào hùng.

-Viết về người lính và cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta, nhà thơ Quang Dũng rất chân thực, ông không hề né tránh hiện thực:

Áo bào thay chiếu anh về đất

“Áo bào thay chiếu” – một hình ảnh thực đến xót xa của chiến tranh. Nhưng cái thiếu thốn về vật chất lại được lấp bằng sự hiên ngang, can trường của người lính. Từ Hán Việt và cách nói “Áo bào thay chiếu anh về đất” làm cho cái chết của người lính Tây Tiến trở nên trang trọng hơn rất nhiều, thiêng liêng hơn nhiều. Nhà thơ vẫn gọi lên sự thật chung của cả thời chống Pháp là sự thiếu thốn về vật chất, ở vùng biên giới xa xôi thì sự thiếu thốn ấy còn nhân lên gấp bội. Người chiến sĩ đã ngã xuống không có một cỗ quan tài, thậm chí không có lấy một tấm chiếu để liệm thân mà khi ngã xuống vẫn cứ mặc nguyên tấm áo thường ngày trên đường hành quân. Đó có thể là tấm áo sờn vai, tấm áo bạc màu, tấm áo có vài mảnh vá. Nhưng với thái độ trân trọng đồng đội, nhà thơ Quang Dũng đã thấy họ như đang mặc tấm áo bào của chiến tướng mà đi vào cõi vĩnh hằng, bắt tử cùng sông núi. Cách nói “về đất” không chỉ là cách nói giảm, nói tránh mà mang ý nghĩa biểu tượng thiêng liêng. Cái chết không phải là ra đi vào cõi hư vô bất định mà là trở về, trở về với đất Mẹ yêu thương. Đất Mẹ cũng đã mở lòng đón những đứa con đầy trách nhiệm của mình trở về. Họ đã ra đi như thế đấy. Họ đã nằm lại nơi chân đèo, dốc núi nào đó trên con đường hành quân đầy gian khổ, nhọc nhằn, họ đã để lại mình nơi biên cương lạnh lẽo, hoang vắng. Nhưng họ đã ra đi vì lí tưởng, cái chết của họ dù để lại nhiều xót xa trong lòng người đọc nhưng họ ra đi một cách rất thanh thản. Họ chỉ là “không bước nữa”, là “bỏ quên đời”, là “về đất” thôi chứ không phải là chết. Các anh đã ngã xuống, đã “hoá thân cho dáng hình xứ sở” để rồi mỗi thế núi hình sông, mỗi tên đất tên làng đều có bóng hình các anh. Các anh hi sinh, trở về trong lòng Đất Mẹ để “cho cây đời mãi mãi xanh tươi”, để đem lại cho đất đai, cho quê hương đất nước sự sống bất tận.

– Đoạn thơ kết thúc bằng một âm hưởng hào hùng. Dường như linh hồn người tử sĩ đã hòa cùng sông núi, con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc đau thương, hùng tráng để tiễn đưa người lính vào cõi bất tử. Hình tượng “sông Mã” ở cuối bài thơ được

phóng đại và nhân hóa, tô đậm cái chết bi hùng của người lính_ sự hi sinh làm lay động đất trời, khiến dòng sông gầm lên đón đau, thương tiếc.

* Nghệ thuật:

– Bằng bút pháp lãng mạn và âm hưởng bi tráng, đoạn thơ ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người lính Tây Tiến trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

b.Đoạn thơ trong bài “Đất Nước” của Nguyễn Khoa Điềm là lời nhắn nhủ của nhà thơ về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với non sông đất nước:

*Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm:

+Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ . Ông xuất thân từ một gia đình trí thức cách mạng ở Huế, bản thân ông tham gia trực tiếp vào phong trào đấu tranh sinh viên nên thơ Nguyễn Khoa Điềm rất giàu chất suy tư, cảm xúc dồn nén mang tâm tư của người trí thức....

+Đất nước là phần đầu chương V của trường ca Mặt đường khát vọng, viết năm 1971 tại chiến khu Trị Thiên giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ đang hết sức khốc liệt .

*Phân tích cụ thể:

“Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời”

– Đoạn thơ có giọng điệu tâm tình sâu lắng, thiết tha. Tác giả tạo ra cuộc trò chuyện thân mật giữa nhân vật trữ tình “anh” với “em”. Giọng điệu ấy đã làm mềm hóa nặng nề, khô khan của chất chính luận.

– Nguyễn Khoa Điềm đã khám phá một định luật rất mới “Đất Nước là máu xương của mình”. Đối với mỗi con người, máu xương là yếu tố cần thiết cho sự sống.

Hình ảnh so sánh độc đáo ấy có hàm ý khẳng định: Đất nước là sự sống thiêng liêng đối với mỗi con người.

Nguyễn Khoa Điềm nhắc nhở mỗi người chúng ta phải biết trân trọng đất nước hôm nay.

– Từ việc xác định vai trò quan trọng của đất nước đối với mỗi con người, nhà thơ khơi gợi ý thức trách nhiệm của mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ. Phép điệp ngữ “phải biết” vừa có ý nghĩa cầu khiến vừa là lời thiết tha, mong chờ như mệnh lệnh từ trái tim. Ba cụm động từ cụ thể hóa trách nhiệm của mỗi con người: “Gắn bó” là lời kêu gọi đoàn kết, hữu ái giai cấp. Vì, có đoàn kết là có sức mạnh. “San sẻ” là mong muốn mỗi người có ý thức gánh vác trách nhiệm với quê hương. Còn “hóa thân” là biểu hiện tinh thần sẵn sàng hi sinh cho đất nước, là sự dâng hiến thiêng liêng, đẹp đẽ.

* Nghệ thuật:

– Đoạn thơ mang tính chính luận nhưng được diễn đạt bằng hình thức đối thoại, giọng điệu trữ tình kết hợp với biện pháp tu từ điệp ngữ. Từ “Đất Nước” được lặp lại hai lần kết hợp cách viết hoa đã tăng thêm sự tôn kính thiêng liêng, thể hiện quan niệm lớn: “Đất Nước của nhân dân”.

So sánh:

* Giống nhau:

Tư tưởng của cả hai đoạn thơ đều là tư tưởng cao đẹp: cống hiến, dâng hiến tuổi trẻ mình cho đất nước non sông.

* Khác nhau:

– “Tây Tiến” với cảm hứng đất nước được gợi lên từ nỗi nhớ của người lính vùng cao về những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. “Đất Nước” hoàn thành trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ tại mặt trận Trị Thiên bộc lộ cảm hứng đất nước qua cái nhìn tổng quát đưa đến những chiêm nghiệm

mới mẻ, sâu sắc về đất nước: Đất nước là tất cả những gì gắn bó máu thịt với mỗi con người.

- Đoạn thơ trong bài Tây Tiến được viết bằng thể thơ thất ngôn, có sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng với giọng điệu thơ dứt khoát, mạnh mẽ, âm hưởng hào hùng để tô đậm hiện thực khốc liệt của chiến tranh và khẳng định sự bất tử của người chiến sĩ vô danh.

+ Đoạn thơ trong Đất Nước được viết bằng thể thơ tự do, giọng điệu tâm tình trò chuyện, từ ngữ giản dị, gần gũi nhằm khẳng định vai trò to lớn của nhân dân vô danh

Lí giải :

Sự khác biệt như trên :

Do hoàn cảnh sáng tác

Do phong cách, cá tính sáng tạo của mỗi nhà thơ

Kết bài: Đánh giá chung về giá trị hai đoạn thơ và tài năng nghệ thuật của hai tác giả

ĐỀ 6: So sánh hai đoạn thơ trong bài sóng Xuân Quỳnh và Đất nước Nguyễn Khoa Điềm

Đề bài: Cảm nhận về hai đoạn thơ sau:

“Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hẹn hò

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

(Đất Nước – Trích Trường ca mặt đường khát vọng – Nguyễn Khoa Điềm)

“Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

*Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”*

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Gợi ý:

Mở bài:

Đề tài tình yêu là một trong những đề tài làm tốn nhiều giấy mực nhất đối với các thi nhân. Cuộc sống càng muôn màu thì tình yêu càng muôn vẻ, có bao nhiêu người yêu nhau thì có bấy nhiêu cách cảm nhận về tình yêu. Bằng sự cảm nhận của riêng mình, mỗi thi sĩ lại khoác cho tình yêu ấy một vẻ đẹp khác nhau. Điều đó đã được Nguyễn Khoa Điềm và Xuân Quỳnh thể hiện rất rõ trong hai đoạn thơ trích trong hai tác phẩm “Đất Nước” được sáng tác 1971 in trong trường ca “Mặt đường khát vọng” và “Sóng” sáng tác năm 1967 in trong tập “Hoa dọc chiến hào” 1968:

*“Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước là nơi ta hò hẹn*

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

(Đất Nước – Trích Trường ca mặt đường khát vọng – Nguyễn Khoa Điềm)

Và:

*“Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh*

Cả trong mơ còn thức”

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Khi chúng ta đi đối chiếu so sánh hai đoạn thơ sẽ thấy được điểm tương đồng và khác biệt một cách độc đáo của hai đoạn thơ, hai phong cách, hai thi sĩ này.

Thân bài :

Luận điểm 1 :

Giới thiệu vài nét về hai tác giả, hai tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác và vị trí hai đoạn thơ cần phân tích

Sóng- Xuân Quỳnh

.- Nhà thơ của hạnh phúc đời thường: tiếng thơ khao khát tình yêu, hạnh phúc đời thường bình dị.

– Cái tôi độc đáo: giàu vẻ đẹp nữ tính, thành thật, giàu đức hi sinh và lòng vị tha, khát vọng yêu chân thành, mãnh liệt gắn với cảm thức lo âu về sự phai tàn, đổ vỡ., cùng những dự cảm bất trắc.

Tác phẩm

+ Xuất xứ: 1967, nhân chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập thơ Hoa dọc chiến hào.

+ Đoạn thơ thứ 5 miêu tả nỗi nhớ của nhân vật trữ tình ” Em”

Đất nước- Nguyễn Khoa Điềm

Thơ Nguyễn Khoa Điềm cuốn hút người đọc bằng cảm xúc trữ tình nồng thắm và chất suy tư sâu lắng, ông cất lên tiếng nói của một người trí thức thiết tha gắn bó với quê hương, giàu ý thức trách nhiệm với nhân dân, đất nước.

Đoạn trích Đất Nước là phần đầu chương V của trường ca Mặt đường khát vọng.

Tác phẩm này được hoàn thành năm 1971, thể hiện sự thức tỉnh của thế hệ trẻ miền Nam về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước.

Đoạn thơ trên thuộc phần đầu chương V

Luận điểm 2 : Điểm giống nhau

-Trước hết điểm tương đồng giữa hai đoạn thơ chính là viết về tình yêu đôi lứa trong nỗi nhớ, niềm thương.

+Đúng vậy, tình yêu thì luôn gắn liền với nỗi nhớ, có ai yêu mà chưa bao giờ nếm mùi của cảm giác chờ mong, khắc khoải. Tất cả biểu hiện của nỗi nhớ trong tình yêu rốt cuộc cuối cùng chỉ là khát khao hướng tới người mình yêu, mong muốn được ở gần người trong trái tim mình.

+Trong ca dao xưa chẳng phải người xưa họ cũng đã từng diễn tả cái nỗi nhớ trong tình yêu rồi hay sao:

*“ Nhớ ai bồi hồi, bồi hồi
 Như đứng đống lửa như ngồi đống than ”*

Hay

*“ Đêm nằm lưng chẳng tới giường
 Mong cho mau sáng ra đường gặp anh ”*

+ Ấy thế nhưng, trong đoạn thơ của NKĐ để diễn tả nỗi nhớ trong tình yêu, tác giả đã mượn hình ảnh của chiếc khăn – tín vật giao ước kết đôi mà biểu hiện nỗi nhớ:

“ ĐN là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”

Tín vật tình yêu chính là điểm giao kết cho đôi bạn tình. Từ xưa đến nay, những người yêu nhau như càng muốn thể hiện sự khăng khít gắn bó mặn nồng, thường lấy một tín vật nào đó mà kết duyên, giao ước. Họ coi đó như là “sợi chỉ hồng” của ông lão bà tơ se duyên kết mối. Hình ảnh chiếc khăn được nhắc đến trong đoạn thơ là một hình ảnh quen thuộc trong ca dao xưa:

*“Khăn thương nhớ ai
 Khăn rơi xuống đất
 Khăn thương nhớ ai
 Khăn vắt lên vai
 Khăn thương nhớ ai
 Khăn chùi nước mắt...”*

Đó là chiếc khăn tín nghĩa, biểu trưng cho tình cảm thật đẹp, thật trong sáng trong nỗi nhớ yêu thương.

+ Còn trong đoạn thơ của bài Sóng, cái tình yêu khát vọng của người phụ nữ “khát khao sống, khát khao yêu” dù bình dị nhưng rất đổi mãnh liệt này không cần đến vật giao ước kết đôi mà vẫn diễn tả được hết tất cả cái nỗi nhớ đến điên cuồng mãnh liệt. Bởi tình yêu ấy đã vượt qua mọi chiều kích giới hạn chật hẹp để đến với tình yêu(sâu- rộng), vượt qua mọi bến bờ của vũ trụ, xuyên qua không gian, thời gian (ngày – đêm) và kết tụ ngay cả khi “thức” lẫn khi “ngủ” của Xuân Quỳnh. Nó rộn ngợp giống như nỗi nhớ đã bao trùm giăng mắc mọi thứ xung quanh như ám vào vạn vật nên cần chi “vật giao ước” mà thể nghiệm nỗi lòng thương yêu?. Cho nên tình yêu ấy với nỗi nhớ ấy càng trở nên da diết, khắc khoải hơn bao giờ hết. Nó không đơn thuần chỉ là nỗi nhớ bình thường vụt đến rồi vụt tan mà nỗi nhớ ấy đã trở thành gánh nặng tâm tư trong lòng người con gái đang yêu mất rồi.

-Nếu thật thiếu sót nếu chúng ta không nhìn nhận ra điểm tương đồng của hai đoạn thơ ấy chính là: cả hai thi sĩ đều rất tài tình dụng công mượn hình ảnh, sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh để diễn tả tâm tư tình cảm của mình.

+ Với đoạn trích trong bài thơ ĐN, tác giả đã kể đến những sự vật xung quanh mỗi chúng ta. Đó là trường học, là nơi sinh hoạt hằng ngày (nơi em tắm), là nơi cư trú, định cư (nơi chim về, nơi rồng ở). Tất cả những sự vật xung quanh của mỗi chúng ta ấy đều là những cái bình dị, thân thương mà chúng ta ít chú ý đến. Tác giả nhắc đến mỗi sự vật ấy đều gắn với hai tiếng ĐN chính là muốn truyền tải tư tưởng: ĐN không tồn tại ở đâu xa xôi mà nó hóa thân, hiện hữu xung quanh mỗi chúng ta. Đó chính là mỗi sự vật mà chúng ta nhìn thấy, tất cả những sự vật nhỏ bé ấy đều góp phần làm nên dáng hình, diện mạo ĐN.

+ Còn Sóng của XQ cũng vậy, chị đã mượn hiện tượng tự nhiên của sóng biển để soi vào nhịp lòng mình, nhịp đập của con tim đang rung lên đồng điệu với nhịp sóng, đang bùng lên khát vọng trong tình yêu và nỗi nhớ:

*“Con sóng dưới lòng sâu
 Con sóng trên mặt nước
 Ôi con sóng nhớ bờ
 Ngày đêm không ngủ được”*

Những đợt sóng dâng trào, sóng tiếp sóng ào ạt lúc thì lẫn tăn gổì lên nhau trên “mặt nước”, lúc lại luôn tiềm ẩn cái dữ dội, ồn ào “lòng sâu” dưới đáy bể đại dương bao la thăm thẳm. Tất thảy những đợt sóng đều cuộn cuộn xô đuổỉ nhau đến tận chân trời, đưa sóng đến gần hơn với bờ. Bờ chính là điểm đến của sóng, là chỗ dựa vững chắc cho điểm về của sự bình yên, phẳng lặng.

Luận điểm 3 :Sự khác biệt

-Bên cạnh điểm giao thoa, kết sóng thì giữa hai đoạn thơ còn có điểm khác biệt rõ ràng. Nhưng chính điểm khác biệt ấy đã tạo nên cái độc đáo, cái sức hấp dẫn riêng của mỗi phong cách thi nhân.

+Tình yêu đôi lứa trong đoạn thơ ĐN của NKĐ gắn liền với tình yêu ĐN, tình yêu đôi lứa dưới con mắt của ông là một thứ tình yêu “hóa thân”, “nảy mầm” nên tình yêu ĐN. Chính tình yêu đôi lứa cũng là một yếu tố góp phần làm nên diện mạo của một đất nước trù phú, tươi vui. Điều này, cũng đã được các nhà thơ cùng thời với NKĐ ý thức rất rõ, ta có thể lấy dẫn chứng tiêu biểu trong bài thơ “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên:

*“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
 Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
 Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
 Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”*

+ Còn trong đoạn thơ của bài thơ Sóng, tình yêu luôn tuyệt đối hóa trong tình yêu riêng tư, tình yêu đời thường. Cái chất đời thường trong tình yêu gắn liền với nỗi nhớ ấy đã được XQ diễn tả thông qua hình tượng “sóng” với sự phân thân của nhân vật trữ tình “em”:

*“Lòng em nhớ đến anh
 Cả trong mơ còn thức”*

Đó là một “cái tôi” tràn đầy cảm xúc khi đang tự lòng mình diễn tả nỗi nhớ người yêu trào qua đầu ngọn bút. Tất cả như cuồng nhiệt, như say mê mà muốn nhấn chìm đi mọi thứ xung quanh. Chẳng thế mà bài thơ vốn được viết theo thể ngũ ngôn nay đến khổ thơ này đã tự dôi ra hẳn hai câu thơ và nhà thơ lại còn trực tiếp diễn tả nỗi nhớ ấy bằng chính nhịp đập của trái tim mình thì quả thực cái nỗi nhớ của cái tôi cá nhân ấy không có một bút lực nào có thể tả xiết. Trong một bài thơ khác của chị, chị cũng đã từng thẳng thắn bộc bạch hết mọi tâm can của mình hướng tới người mình yêu. Đó là biểu hiện của một trái tim đang yêu chân thành, đắm thắm:

“ Em trở về đúng nghĩa trái tim em

Là máu thịt đời thường ai chả có

Cũng ngừng đập khi cuộc đời không còn nữa

Vẫn yêu anh cả khi chết đi rồi”

+Đoạn thơ ĐN sử dụng thể thơ tự do, kết hợp với nghệ thuật chiết tự từ (Đất là gì?, Nước là gì?) cùng với việc sử dụng hàng loạt các hình ảnh sự vật tự nhiên đã có tác dụng diễn tả thật đắt tư tưởng Đất Nước của mình. Hướng người đọc đến sự hóa thân kỳ diệu của ĐN trong từng sự vật nhỏ bé, đơn sơ, bình dị đến lạ thường.

+Đoạn thơ trong bài sóng của XQ sử dụng thể thơ ngũ ngôn với việc mượn hình tượng sóng biển để soi tỏ nhịp đập thồn thức của trái tim người phụ nữ đang yêu có tác dụng diễn tả thật đắt nỗi nhớ niềm thương và tấm lòng thủy chung son sắt của một tâm hồn đa sầu, đa cảm.

-Như ta đã biết, Nghệ thuật luôn đòi hỏi tính sáng tạo, mỗi người nghệ sĩ luôn cố gắng tạo cho mình một phong cách nghệ thuật riêng. Vì thế các tác phẩm tạo ra mới không bị nhòe lẫn vào các tác phẩm của nhà thơ khác.

+ Không nằm ngoài lệ, NKĐ luôn thể hiện một phong cách thơ trữ tình – chính luận. Với sự tự ý thức về vai trò- chức năng của một nghệ sĩ – chiến sĩ thì đối với

ông, thơ ca chính là ngọn nguồn cảm hứng viết lên những bản tình ca bất hủ về ĐN. Cho nên tình yêu đôi lứa dưới con mắt của nhà thơ nó chính là một phần biểu hiện của một tình yêu đất nước muôn đời.

+ Còn thi sĩ XQ thì ngược lại, chị tìm cho mình một tiếng nói riêng trong trái tim của một người phụ nữ hồn hậu đa sầu, đa cảm với những khoảnh khắc rung động trong tình yêu đôi lứa. Tình yêu ấy luôn cháy rục ngọn lửa trong các trang thơ của XQ thật muôn vẻ muôn phần. Vì thế, dưới con mắt của thi sĩ, tình yêu luôn được cụ thể hóa trong một tâm hồn khát khao hướng tới hạnh phúc riêng tư, đời thường.

Luận điểm 4:

Lí giải sự khác biệt:

+ Do hoàn cảnh sáng tác

+ Do phong cách nghệ thuật, cá tính sáng tạo của mỗi nhà thơ

Kết bài :Nhu vậy,qua việc cảm nhận ở trên ta thấy rằng cả hai đoạn thơ đều có chung đặc điểm viết về tình yêu đôi lứa nhưng mỗi thi sĩ lại có một tiếng nói riêng cho tư tưởng của bản thân mình. Với NKĐ tình yêu đất nước là vĩnh cửu, với XQ tình yêu đôi lứa là muôn thưở muôn đời. Chính mỗi người lại có một phong cách thơ và cách nhìn nhận riêng của mình về cuộc sống, đều góp phần đặc lực cho vườn thơ dân tộc thêm sáng trong và tỏa hương thơm ngát.

Đề 7 : Cảm hứng về đất nước qua hai đoạn thơ Việt Bắc Tố Hữu và Đất nước Nguyễn Khoa Điềm

Phân tích cảm hứng về đất nước qua hai đoạn thơ sau:

*“Quân đi điệp điệp trùng trùng
 Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
 Dân công đỏ đuốc từng đoàn
 Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
 Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
 Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.”*

(Trích Việt Bắc, Tố Hữu – Theo Ngữ văn 12, tập 1 – NXB Giáo dục, 2008)

*“Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
 Họ chuyền lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi
 Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
 Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
 Họ đắp đập be bờ cho người sau trông cây hái trái”*

(Trích Đất Nước, Nguyễn Khoa Điềm – Theo Ngữ văn 12, tập 1 – NXB Giáo dục, 2008)

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

Có đủ các phần: mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Cảm hứng về đất nước qua hai đoạn thơ trích (Việt Bắc – Tố Hữu và Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm)

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc, vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

– Giới thiệu khái quát tác giả- tác phẩm và hai đoạn trích.

– Cảm hứng về đất nước và con người qua hai đoạn thơ:

* Cảm hứng về đất nước trong đoạn thơ trích Việt Bắc:

– Về nội dung: Đất nước thật hào hùng trong hình ảnh đoàn người ra trận với đội ngũ hùng hậu, sức mạnh phi thường, khí thế ngất trời: điệp điệp trùng trùng, bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay, ... Đất nước cũng thật nên thơ, hào sảng qua cái nhìn lãng mạn của người ra trận: ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan; niềm lạc quan về một đất nước ngày mai trong niềm tin của những con người đang đi đến chiến thắng: Nghìn đêm thăm thẳm sương dày/ Đèn pha bật sáng như ngày mai lên...

– Về nghệ thuật: giọng điệu hào hùng, sảng khoái, cách sử dụng các từ chỉ số lượng, phép so sánh, ẩn dụ – tượng trưng, thậm xưng, thủ pháp đối lập... tạo nên chất tráng ca đậm nét.

* Cảm hứng về đất nước trong đoạn thơ trích Đất Nước:

– Về nội dung: Đất Nước thật bình dị, gần gũi mà thiêng liêng trong công cuộc lao động vĩ đại của nhân dân – những con người vô danh bình dị đã kiến tạo đất nước bằng chính cuộc sống thường nhật của mình: giữ và truyền hạt lúa..., chuyền lửa từ hòn than qua con cúi, truyền giọng điệu cho con tập nói, đắp đập be bờ, trồng cây hái trái,... Đất Nước thật vĩ đại, thật đáng tự hào với những trầm tích văn hóa về vật chất và tinh thần được lưu giữ và truyền lại cho các thế hệ nối tiếp nhau: nền văn minh nông nghiệp, văn minh lúa nước, ngôn ngữ văn hóa – tiếng Việt, dẫn thủy nhập điền phát triển nông nghiệp,... Đó là Đất Nước của Nhân dân kết tinh công sức, trí tuệ, tâm huyết của bao thế hệ người dân Việt trong suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước.

-Về nghệ thuật: cách sử dụng đại từ, điệp từ (Họ), điệp cấu trúc; những động từ với mật độ dày đặc: giữ, truyền, chuyền, gánh, đắp đập, be bờ,...; chất chính luận và trữ tình qua âm điệu câu thơ điệu nói,...

– Đánh giá điểm tương đồng và khác biệt

+ Điểm tương đồng: Cả hai đoạn thơ đều thể hiện cảm hứng về đất nước trong những ngày kháng chiến hào hùng của dân tộc, đất nước gắn với hình ảnh dân tộc – nhân dân – thể hiện tình yêu và niềm tự hào của các nhà thơ, của con người Việt Nam về Đất nước.

+ Điểm khác biệt:

* Đoạn thơ trích trong bài Việt Bắc:

– Cảm hứng về đất nước thiên về ca ngợi sức mạnh hào hùng, khí thế tiên công và niềm lạc quan sáng ngời của một đất nước đi đến chiến thắng, tiên về tương lai tươi sáng.

– Thể thơ lục bát truyền thống nhưng mang âm hưởng tráng ca với nhịp điệu sôi nổi hào hùng, từ ngữ sử dụng độc đáo, linh hoạt với nhiều từ láy và biện pháp tu từ, liên tưởng như nhân hóa, ẩn dụ, thậm xưng,...

– Giọng điệu say sưa, tươi vui mang cảm hứng sử thi và lãng mạn... thể hiện phong cách của một nhà thơ trữ tình – chính trị.

* Đoạn thơ trích trong bài Đất Nước:

– Cảm hứng về đất nước lắng đọng ở chiều sâu văn hóa với những giá trị văn hóa truyền thống bền vững được khái quát một cách sâu sắc gợi những suy tư về vai trò Nhân dân: những con người vô danh bình dị đã làm nên Đất Nước muôn đời.

– Thể thơ tự do với nhịp điệu linh hoạt trong biểu đạt những cảm xúc, cách sử dụng điệp từ, điệp cấu trúc, hàng loạt động từ...,

giọng điệu tâm tình dễ đi vào lòng người ,... thể hiện rõ nét phong cách trữ tình – chính luận của thơ Nguyễn Khoa Điềm.

d. Sáng tạo

Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu

Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu

Đề 8 : Đề thi học sinh giỏi :Nét chung trong phong cách nghệ thuật của các nhà thơ Quang Dũng, Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm qua 3 bài thơ

Đề bài

Nét chung trong phong cách nghệ thuật của các nhà thơ Quang Dũng, Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm được thể hiện qua các bài thơ Tây Tiến, Việt Bắc và đoạn trích Đất Nước?

Gợi ý:

1/ Phong cách nghệ thuật là gì? Biểu hiện của phong cách nghệ thuật?

2/ Mặc dù nói đến phong cách nghệ thuật là nói đến cái riêng sự độc đáo của người nghệ sĩ trong sáng tác nhưng trong những trường hợp đặc biệt như: các tác giả

cùng chung phương pháp sáng tác, mục đích sáng tác, hoàn cảnh sáng tác ...thì ngoài nét riêng không trộn lẫn họ còn có sự gặp gỡ, điểm chung trong phong cách sáng tác.

3/ Quang Dũng, Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm là những nhà thơ tiêu biểu của văn học Việt Nam 1945-1975 nên có gặp gỡ trong một số nét phong cách.

a/ Giới thiệu thật ngắn gọn 3 tác giả tác phẩm.

b/ Nét chung trong phong cách nghệ thuật của 3 nhà thơ.

– Các tác phẩm của họ đều mang đặc điểm của văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 hay nói cách khác “phong cách văn học của thời đại chi phối sự hình thành phong cách nghệ thuật của các nhà văn và ngược lại” (SGK Ngữ văn 12 nâng cao trang 171).

+ Văn học phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu.

+ Văn học hướng về đại chúng.

+ Văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

– Biểu hiện cụ thể:

+ Về đề tài: Các tác giả thường viết về đề tài Tổ quốc, nhân dân, người lính và đề cập đến những vấn đề trọng đại liên quan đến vận mệnh của dân tộc và cộng đồng.

+ Về nhân vật trung tâm: là nhân dân anh hùng (người lính trong Tây Tiến, những người kháng chiến trong Việt Bắc, những con người bình dị vô danh làm nên Đất Nước trong đoạn trích Đất Nước).

+ Giọng điệu, cảm hứng chính: là cảm hứng tự hào, ngợi ca – ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân, ca ngợi những tình cảm lớn (đồng chí, tình yêu quê hương đất nước, tình quân dân, tình cảm với người lính, tình yêu lãnh tụ); lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc...

+ Về ngôn ngữ: trong sáng, dễ hiểu, sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ truyền thống gần gũi, quen thuộc với đông đảo quần chúng nhân dân....

c/ Lí giải vì sao có sự giống nhau:

– Các tác giả đều là những người con ưu tú trực tiếp tham gia vào cuộc chiến của dân tộc (nhà thơ-chiến sĩ).

– Cùng sáng tác dưới ánh sáng soi đường của Đảng, đề cương văn hoá của Đảng. Cùng sáng tác trong 30 năm chiến tranh.

Cùng có tình yêu Tổ quốc, nhân dân anh hùng,...

4/ Đánh giá:

– Nét chung trong phong cách nghệ thuật của các tác giả đã góp phần làm nên diện mạo của văn học Việt Nam 30 năm chiến tranh và cổ vũ chiến đấu.

– Ngoài nét chung mỗi tác giả vẫn có nét riêng đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt của sáng tạo nghệ thuật: không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình (nêu qua phong cách nghệ thuật của mỗi nhà thơ).

– Các tác giả và tác phẩm của họ sẽ sống mãi cùng độc giả mọi thời đại bởi những đóng góp lớn lao cho nền văn học dân tộc và mỗi chúng ta tự hào về họ

Đề 9: Đề thi học sinh giỏi: Nhận định về Tây Tiến- Quang Dũng và Đất nước- Nguyễn Khoa Điềm

Khi bàn về công việc sáng tạo nghệ thuật, M. Goorki khuyên các nhà văn: *“Bạn hãy giữ lấy cái gì là riêng của mình, làm sao cho nó phát triển tự do”*.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích vẻ đẹp của hình tượng dòng sông trong hai đoạn thơ sau để làm nổi bật *cái riêng* của từng tác giả khi khắc họa hình tượng đó:

*“Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
 Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

(Tây Tiến – Quang Dũng, *Ngữ văn 12*, Tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr.89)

*“Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu
 Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát*

*Người đến hát khi chèo đò kéo thuyền vượt thác
Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi”*

(Đất Nước, trích Mặt đường khát vọng – Nguyễn Khoa Điềm, *Ngữ văn 12*, Tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr.122)

Gợi ý:

I Yêu cầu về hình thức và kỹ năng

Cần xác định đây là kiểu bài nghị luận văn học. Học sinh có thể có những cách làm khác nhau nhưng phải giải thích đúng câu nói của M. Goorki và phân tích hình tượng dòng sông để làm sáng tỏ “cái riêng”, sự sáng tạo của mỗi nhà thơ. Kết cấu chặt chẽ, viết văn lưu loát, có hình ảnh và cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Yêu cầu về nội dung

Trên cơ sở những hiểu biết cơ bản về kiến thức lí luận văn học, tác giả, tác phẩm thuộc phạm vi đề bài, học sinh cần làm rõ những nội dung sau:

Giải thích ý kiến của M. Goorki

– Cái riêng của mình mà M. Goorki nói đến ở đây chính là dấu ấn cá nhân, nét độc đáo, mới lạ, nổi bật về tư tưởng cũng như nghệ thuật, có phẩm chất thẩm mỹ của nhà văn trong sáng tạo nghệ thuật mà ta gọi là phong cách. Phong cách mang tính ổn định, ít nhiều chịu sự chi phối của phong cách thời đại.

– Phát triển tự do: được hiểu là phát triển không bị gò bó, trói buộc, không bị lệ thuộc, chi phối bởi người khác.

– Cả câu trên khẳng định vai trò, ý nghĩa quan trọng của nét riêng, cá tính sáng tạo trong phong cách nghệ thuật của nhà văn.

– Nét riêng trong sáng tác biểu hiện ở cách nhìn, cách cảm thụ, giọng điệu, sự sáng tạo các yếu tố nội dung cũng như hình thức tác phẩm...Đặc điểm riêng trong sáng tác là dấu ấn trưởng thành về bản lĩnh nghệ thuật của tác giả và làm nên phong cách độc đáo của nhà văn.

– Nhu cầu cuộc sống nói chung, văn học nói riêng là sự xuất hiện những nhân tố mới mẻ. Nếu không có cái riêng, sự độc đáo cá nhân thì văn học nghệ thuật sẽ đơn điệu và không còn hấp dẫn nữa.

Phân tích vẻ đẹp hình tượng dòng sông trong hai đoạn trích để làm nổi bật “cái riêng” của từng tác giả

Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn thơ

Vẻ đẹp của hình ảnh dòng sông trong Tây Tiến

– Hình ảnh dòng sông đã xuất hiện ở đầu bài thơ và lặp lại ở khổ thơ này. Lần đầu, sông Mã là đối tượng gợi niềm thương nhớ, hoài niệm về một thời Tây Tiến... Lần sau, Sông Mã độc hành tấu lên khúc nhạc trầm hùng tiễn đưa người lính Tây Tiến về với đất mẹ.

– Dòng sông được khắc họa với bút pháp lãng mạn, bi tráng, nghệ thuật nhân hóa gợi lên vẻ đẹp hào hùng, tráng lệ, thiêng liêng, bất tử hóa cái chết của người lính.

– Sông Mã là dòng sông tượng niệm, tri ân, ngưỡng mộ... thể hiện tấm lòng của nhân dân, đất nước trước sự hi sinh cao cả của những chiến binh Tây Tiến.

Vẻ đẹp của hình tượng dòng sông trong Đất Nước

– Hình ảnh dòng sông không gợi bóng hình những dòng sông Việt Nam mà mang vẻ đẹp chiều sâu văn hóa, lịch sử.

– Dòng sông được khắc họa với bút pháp trữ tình – chính luận, có vẻ đẹp hài hòa giữa lí trí và tình cảm, cảm xúc và trí tuệ, giàu chất triết lí.

– Dòng sông gắn với vẻ đẹp tâm hồn, tính cách Việt trong sự tiếp nhận, biến đổi làm nên vẻ đẹp đa dạng, phong phú của văn hóa dân tộc.

Đánh giá chung

– Hai đoạn thơ cùng khắc họa hình ảnh dòng sông nhưng mỗi dòng sông đều hiện lên với vẻ đẹp riêng với bút pháp, phong cách nghệ thuật riêng mang đậm dấu ấn sáng tạo của mỗi tác giả:

+ Thơ Quang Dũng mang vẻ đẹp hồn nhiên, tinh tế, hào hoa, phóng khoáng, đậm chất lãng mạn; sáng tạo về hình ảnh, ngôn từ, giọng điệu...

+ Thơ Nguyễn Khoa Điềm có sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng, giọng thơ trữ tình – chính luận...

Đề 10 : So sánh Hình ảnh đất nước trong Việt Bắc của Tố Hữu và Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm

Hình ảnh đất nước trong Việt Bắc của Tố Hữu và Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm?

Gợi ý:

Giới thiệu tác giả, tác phẩm. Cảm hứng về đất nước mang lại cho người đọc những ấn tượng sâu sắc về hình ảnh Đất Nước với những nét chung và riêng đầy ấn tượng.

Khái quát về hình ảnh đất nước trong văn học Việt Nam.

Thơ ca giai đoạn 1945-1975 có nhiều sáng tác đặc sắc về đề tài đất nước : Vũ Cao (Núi đôi) cảm nhận về Đất Nước gắn liền với tình yêu lúa đôi và sự hi sinh, mất mát. Tố Hữu (Việt Bắc) viết về Đất Nước với khúc ca hùng tráng về cuộc kháng chiến của những con người tình nghĩa, sắt son đạo lí cách mạng, Dương Hương Ly (Đất quê ta mệnh mông) viết về Đất Nước gắn liền với những chiến công của các bà mẹ đào hầm trong tâm đại bác, Lê Anh Xuân (Dáng đứng Việt Nam) viết về Đất Nước gắn với hi sinh của người chiến sĩ vô danh ngã xuống trên đường băng Tân Sơn Nhất, Hoàng Cầm (Bên kia sông Đuống) xót xa trước cảnh quê hương bị dày xéo để rồi có khát vọng vùng lên, Đất Nước trong Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng? của Chế Lan Viên gắn với hình ảnh những người anh hùng danh tiếng. Các sáng tác kể trên đều có sức sống lâu bền qua nhiều thế hệ những người yêu thơ bởi những đóng góp riêng độc đáo.

Bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu và đoạn trích Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm cũng có một đóng góp riêng đặc sắc thể hiện cái nhìn mới mẻ của các tác giả về đất nước.

Hình ảnh đất nước trong Việt Bắc của Tố Hữu và Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm

Nét chung về hình ảnh đất nước trong 2 đoạn trích

- Cảm hứng về tư thế độc lập, tự do của một nước Việt Nam mới, tư thế của con người tự hào làm chủ đất nước.
 - Cảm hứng tự hào và tình yêu Tổ quốc của hai nhà thơ tạo nên hình ảnh đất nước chân thực, tươi đẹp, gần gũi như những gì đang hiện hữu trong cuộc sống của con người Việt Nam.
 - Đất nước gắn liền với những trang sử hào hùng của dân tộc, đặc biệt là tự hào về truyền thống bất khuất, anh hùng trong đánh giặc ngoại xâm:
 - + Việt Bắc là khúc ca hùng tráng về cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc, đặc biệt ca ngợi những chiến thắng dồn dập đã đi vào lịch sử.
 - + Đất Nước tái hiện truyền thống đánh giặc ngoại xâm qua 4000 năm.
 - Cảm hứng về đất nước của nhân dân, nhân dân làm nên đất nước.
 - Đất nước đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, tráng lệ in đậm dấu ấn một dân tộc có nền văn hiến 4000 năm.
 - Cảm hứng lãng mạn, lạc quan hướng tới ngày mai chiến thắng.
 - Hai bài thơ đều hướng đến nghệ thuật truyền thống, đậm chất dân gian: thi liệu, ngôn ngữ, giọng điệu, chất chính tri, chính luận kết hợp chất trữ tình, cảm xúc.
- Nét riêng – đóng góp của mỗi nhà thơ.
- * Việt Bắc (Tố Hữu)
 - Viết vào thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, vì vậy cảm hứng đất nước tập trung vào mảnh đất Việt Bắc – một thời gian dài nó có ý nghĩa đại diện

cho đất nước, là linh hồn của đất nước cả về cảnh sắc và những trang sử. Bài thơ là khúc ca hào hùng về cuộc kháng chiến gian khổ mà vĩ đại.

– Bài thơ tô đậm phẩm chất anh hùng cách mạng, tình đoàn kết, nghĩa tình, chia ngọt sẻ bùi, thủy chung vẹn toàn của con người Việt Nam trong thử thách. Tất cả dồn trong nỗi nhớ da diết, sâu nặng giữa người đi-kẻ ở.

– Cảm hứng về Việt Bắc – đất nước hoà quyện trong nghĩa tình lưu luyến nhớ nhung- cách thể hiện độc đáo: thể thơ lục bát, hình thức đối đáp, ngôn từ giọng điệu của ca dao dân ca và các biện pháp tu từ.

* Đất Nước (Nguyễn Khoa Điềm)

– Trích từ một chương trong trường ca Mặt đường khát vọng nhưng phần thơ cũng có ý nghĩa như một bài thơ được viết độc lập vì cảm hứng có tính tập trung về hình tượng đất nước. Đất Nước được cảm nhận ở tầm khái quát với nhiều phương diện: Sự hình thành, phát triển, khái niệm, lịch sử dựng nước và giữ nước, nền văn hoá và tâm hồn dân tộc=> hình tượng Đất Nước trọn vẹn, tổng thể.

– Hình tượng Đất Nước được nhìn nhận từ một tư tưởng bao trùm chi phối tất cả, đó là tư tưởng Đất Nước của Nhân dân hay Nhân dân làm ra Đất Nước. Khẳng định điều này, chương thơ làm xúc động người đọc về một chân lí thiêng liêng và giản dị, tính giáo dục cao cần thiết cho nhận thức của thế hệ trẻ thanh niên vùng địch tạm chiếm thời kì chống Mĩ và cho hôm nay, mai sau.

– Nghệ thuật thể hiện: thơ tự do không vần, hai chữ Đất Nước viết hoa, mượn hình thức tâm tình của anh-em (đôi lứa đang yêu)...

Lí giải:

– Có sự giống nhau là do thời đại, sự gặp gỡ trong tư tưởng các nhà thơ.

– Có sự khác nhau do phong cách nghệ thuật, cảm quan nghệ thuật của mỗi nhà thơ là khác nhau, do yêu cầu sáng tạo nghệ thuật không được lặp lại người khác và lặp lại chính mình.

6. Bình luận: Những nét chung và riêng như đã phân tích ở trên làm cho đất nước trong thơ trở nên phong phú, đa dạng, lấp lánh sắc màu hơn. Và hai tác giả đã góp hai bông hoa tươi thắm mãi trong vườn thơ dân tộc. Từ cảm nhận về đất nước trong hai đoạn trích, mỗi chúng ta không chỉ tự hào về quá khứ hào hùng của đất nước mà còn thêm yêu mến và mong được góp phần công sức nhỏ bé của mình tô thắm non sông